

BẢN TIN XUẤT NHẬP KHẨU

THỊ TRƯỜNG ÚC





Mục lục

A. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

- I. Cà phê*
- II. Cao su*
- III. Bông, sợi*

B. CHUYÊN ĐỀ THỊ TRƯỜNG ÚC

- I. Xuất nhập khẩu của Úc*
- II. Trao đổi thương mại với Việt Nam*
- III. Cơ hội giao thương*



BIÊN TẬP VÀ DÀN TRANG:  **TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**

Địa chỉ: 25 Ngô Quyền - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: (024) 2220 5507

Liên hệ quảng cáo hoặc mua bản tin:

Chị Ly - Điện thoại: 098 3287076 - Email: lynp@ecomviet.vn





A. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

I. CÀ PHÊ

1. Thị trường cà phê thế giới

Với triển vọng phục hồi kinh tế trong bối cảnh nhiều quốc gia nới lỏng các hạn chế liên quan đến Covid-19, lượng tiêu thụ cà phê thế giới được dự báo sẽ tăng 1,9% lên 167,2 triệu bao trong năm 2020-21 so với 164,1 triệu bao cho niên vụ 2019-20, nhưng vẫn thấp hơn 0,8% so với mức 168,5 triệu bao trước khi đại dịch bùng phát. Tiêu thụ tại các nước nhập khẩu dự kiến tăng 2,3% lên 116,7 triệu bao, trong khi tiêu thụ nội địa ở các nước xuất khẩu cà phê dự kiến tăng 1% lên 50,5 triệu bao. Liên minh châu Âu, thị trường chiếm 40% nhập khẩu hạt cà phê của thế giới, dự báo sẽ giảm nhập khẩu 2,5 triệu bao xuống 42,5 triệu, trong khi Hoa Kỳ dự báo giảm 300.000 bao xuống 24,2 triệu bao.

Sản lượng và xuất khẩu

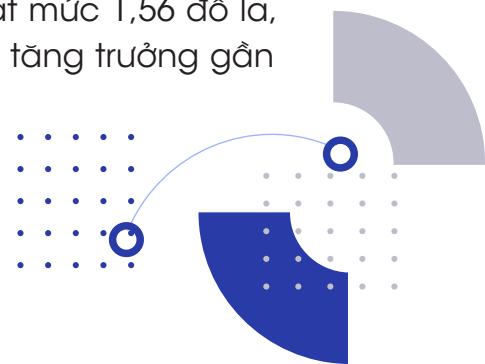
Trong khi đó, Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ nhận định sản lượng cà phê thế giới cho niên vụ 2021/22 được dự báo sẽ giảm 11 triệu bao so với năm trước xuống còn 164,8 triệu bao do ảnh hưởng của thiếu hụt nguồn cung từ nhiều quốc gia sản xuất cà phê hàng đầu thế giới – đặc biệt là Brazil do băng giá và Honduras do bệnh gỉ sắt ở lá. Sản lượng giảm sẽ kéo theo tồn kho cuối kỳ toàn cầu dự kiến sẽ giảm 7,9 triệu bao xuống còn 32 triệu bao.

Quốc gia	Sản lượng	Tăng/Giảm	Xuất khẩu	Tăng/Giảm
Brazil	56,3	-13,6	32	-9
Việt Nam	30,8	+1,8	26	+3
Colombia	14,1	-0,2	12,4	-0,1
Trung Mỹ	17,4	-0,4	14,4	-0,3

Đơn vị: triệu tấn

Diễn biến giá

Kể từ đầu năm 2021 đến nay, thị trường cà phê thế giới đã cho thấy xu hướng tăng đáng kể, đặc biệt đối với giá arabica. Với giá mở của tháng 1 ở mức 1,28 đô la và đóng cửa phiên cuối tháng 6 đạt mức 1,56 đô la, chỉ trong 6 tháng đầu năm, thị trường đã ghi nhận mức tăng trưởng gần



22%. Trong khi đó, giá cà phê Robusta cũng được giao dịch quanh mức 1.620 USD/tấn và dự báo xu hướng tiếp tục đà tăng hướng về mức đỉnh cũ 4 năm trước ở mức 1.75 USD/tấn trong năm 2021. Tổng thay đổi của cả thị trường tính đến ngày 12 tháng 7 đã là +20,08%.

Với mức giá cao nhất kể từ tháng 11 năm 2016, giá cà phê đang bị thúc đẩy bởi áp lực cả về sản xuất và hậu cần ở nhiều nơi. Việc giảm sản lượng tại Brazil và các nước xuất khẩu cà phê Arabica chính, cùng với đó là căng thẳng trong vận tải đường biển, sẽ làm gia tăng áp lực giá cà phê dài hạn.

2. Thị trường cà phê Việt Nam

Giá cả:

Đối với thị trường cà phê trong nước, giá cà phê (chủ yếu là hạt robusta) trong tháng 6 và sang tháng 7 đang có xu hướng tăng mạnh. Giữa tháng 7/2021, giá cà phê robusta trong nước tăng theo giá thế giới. Ghi nhận vào ngày 19/7/2021, giá cà phê robusta tăng từ 0,6% - 1,1% so với ngày 9/7/2021 với mức tăng cao nhất được ghi nhận tại huyện Đắk R'lấp

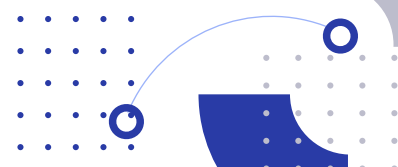


là 1,1%; giá dao động từ 35.300 – 36.500 đồng/kg.

Xuất nhập khẩu

Số liệu thống của Tổng cục Hải quan cho biết, tính từ đầu năm đến hết ngày 15/7, xuất khẩu cà phê cả nước đạt 900.235 tấn, trị giá 1,654 tỷ USD, giảm 8,63% về lượng và giảm 0,84% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Trong 6 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu cà phê sang hầu hết các thị trường chủ lực giảm, ngoại trừ Trung Quốc. Tháng 6/2021, giá xuất khẩu bình quân cà phê đạt 1.942 USD/tấn. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, giá xuất khẩu bình quân cà phê đạt 1.835 USD/tấn, tăng 8,6% so với cùng kỳ năm 2020.

Thị trường cà phê trong nước về cơ bản sẽ được hưởng lợi nhờ vào



sự sụt giảm nguồn cung toàn cầu từ các thị trường lớn như Brazil, Colombia, Honduras. Tuy nhiên, cơ hội cho các doanh nghiệp trong nước không còn rõ ràng như trước đây, trong khi đó lại không đáp ứng tốt tại một số thị trường tiềm năng. Số liệu từ Trung tâm Thương mại Quốc tế chỉ ra rằng Úc là quốc gia nhập khẩu cà phê chiếm 82% trong khu vực Châu Đại Dương, với giá trị nhập khẩu 162,93 triệu USD. Trong khi nước này gia tăng nhập khẩu từ phần lớn các nhà cung cấp, nhập khẩu từ thị trường Việt Nam lại giảm tới 26,3% về lượng và 29,8% về giá trị, với 4.650 tấn cà phê trị giá 7,9 triệu USD.

II. CAO SU

1. Tình hình giao dịch cao su thế giới

Theo Hiệp hội các nước sản xuất cao su thiên nhiên (ANRPC), nhu cầu cao su tự nhiên toàn cầu trong năm nay được dự báo sẽ tăng 7% so với cùng kỳ năm 2020 do nhu cầu từ ngành công nghiệp cao su và xăm lốp đang phục hồi cùng với nhu cầu rất lớn về găng tay cao su do đại dịch. Sản lượng được dự báo sẽ tăng 6% và cân bằng cung cầu và do đó, giá cả được duy trì ổn định.

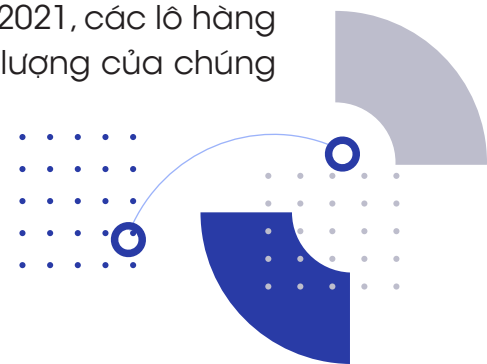
Theo Ngân hàng Thế giới, vào tháng 6 năm 2021, giá cao su RSS3 trung bình đạt 2,12 USD/kg, giảm 7,4% so với tháng trước. Giá Cao su TSR20 giảm về 1,64 USD/kg, cao hơn đáng kể so với mức trung bình hàng năm là 1,33 USD/kg vào năm 2020. Các báo cáo kỳ vọng giá cao su năm 2021 có thể duy trì mức 2,1 USD/kg, cao hơn 44% bình quân năm 2020.



Trong nửa đầu năm 2021, nhu cầu

từ ngành công nghiệp cao su và xăm lốp ở Trung Quốc đã khiến giá cao su tự nhiên tại nước này tăng vọt. Theo thống kê của Tổng cục Hải quan Trung Quốc, tháng 6/2021, Trung Quốc đã nhập khẩu 462 nghìn tấn cao su tự nhiên và tổng hợp (kể cả mủ cao su) trong tháng 6 với trị giá 861,5 triệu USD.

Hoa Kỳ có dấu hiệu phục hồi chậm hơn trong ngành lốp xe, tuy nhiên cũng sẽ thúc đẩy thị trường cao su tự nhiên toàn cầu. Hiệp hội các nhà sản xuất lốp xe Hoa Kỳ dự đoán rằng vào cuối năm 2021, các lô hàng lốp xe tại Hoa Kỳ sẽ tăng 4,1% so với năm 2020, dù tổng lượng của chúng



có thể không đạt mức năm 2019.

Thị trường cao su Việt Nam:

Giá cả:

Trong 10 ngày giữa tháng 7/2021, giá mủ cao su nguyên liệu trong nước biến động trong biên độ hẹp. Hiện giá thu mua mủ nước của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng ở mức 330 đồng/TSC, tăng 5 đồng/TSC so với 10 ngày trước đó; giá thu mua mủ tạp ở mức 265 đồng/TSC, ổn định so với 10 ngày trước đó.

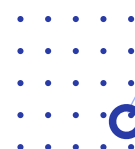
Xuất nhập khẩu

Xuất khẩu: Trong 6 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang các thị trường lớn đều tăng so với cùng kỳ năm 2020. Xuất khẩu sang một số thị trường ghi nhận mức tăng mạnh như: Ấn Độ, Hoa Kỳ, Nga. Giá cao su xuất khẩu bình quân tháng 6/2021 ở mức 1.700 USD / tấn, giảm 1,9% so với tháng 5/2021 nhưng tăng 42,8% so cùng kỳ năm ngoái.

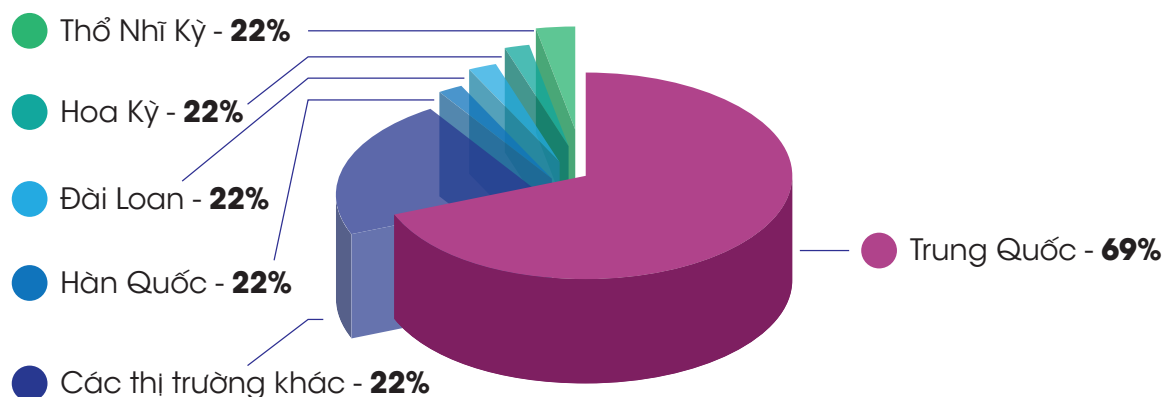
Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu cao su của Việt Nam trong tháng đạt 163,28 nghìn tấn, trị giá 275,42 triệu USD, tăng



đột biến 97,3% về lượng và tăng 92,1% về trị giá so với tháng trước. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu cao su đã đạt 714,32 nghìn tấn với trị giá 1,2 tỷ USD, một trong số các ngành xuất khẩu có giá trị hơn 1 tỷ USD.



Thị phần xuất khẩu Cao su Việt Nam tháng 06 năm 2021



Tháng 6/2021, xuất khẩu cao su sang Trung Quốc chiếm 71% tổng lượng cao su xuất khẩu của cả nước, với giá bình quân xuất khẩu ở mức 1.630 USD/ tấn.

Nhập khẩu: Số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan cho thấy, trong 6 tháng đầu năm, lượng cao su nhập khẩu vẫn tăng mạnh 133,4% lên 872.788 tấn, kim ngạch đạt 1,28 tỷ USD, tăng 141,5% so với cùng kỳ. giai đoạn 2020.

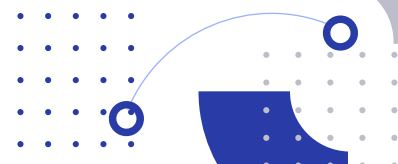
Tính riêng trong tháng 6, cả nước nhập khẩu 130.720 tấn cao su với kim ngạch 205,7 triệu USD, giảm 3,7% về lượng và giảm 6,3% về kim ngạch so với tháng 5.

III. BÔNG SỢI

1. Tình hình giao dịch bông sợi thế giới

Theo báo cáo mới nhất của Bộ Nông Nghiệp Hoa Kỳ USDA, sản lượng toàn cầu dự kiến vụ 2021/22 được điều chỉnh giảm nhẹ (-570.000 kiện, còn 118,9 triệu kiện), trong đó thay đổi đáng kể ở Trung Quốc (-750 nghìn kiện, còn 26,8 triệu kiện), và Tanzania (+125 nghìn kiện, đạt 500.000 kiện). Tiêu thụ toàn cầu vụ 2021/22 được điều chỉnh tăng nhẹ (+1,1 triệu kiện, đạt 122,5 triệu kiện), sẽ ghi nhận thay đổi nhiều ở Ấn Độ (-500.000 kiện, còn 25,0 triệu kiện), Thổ Nhĩ Kỳ (+200.000 kiện, đạt 8,2 triệu kiện) và Trung Quốc (+1,0 triệu kiện, đạt 41,0 triệu kiện).

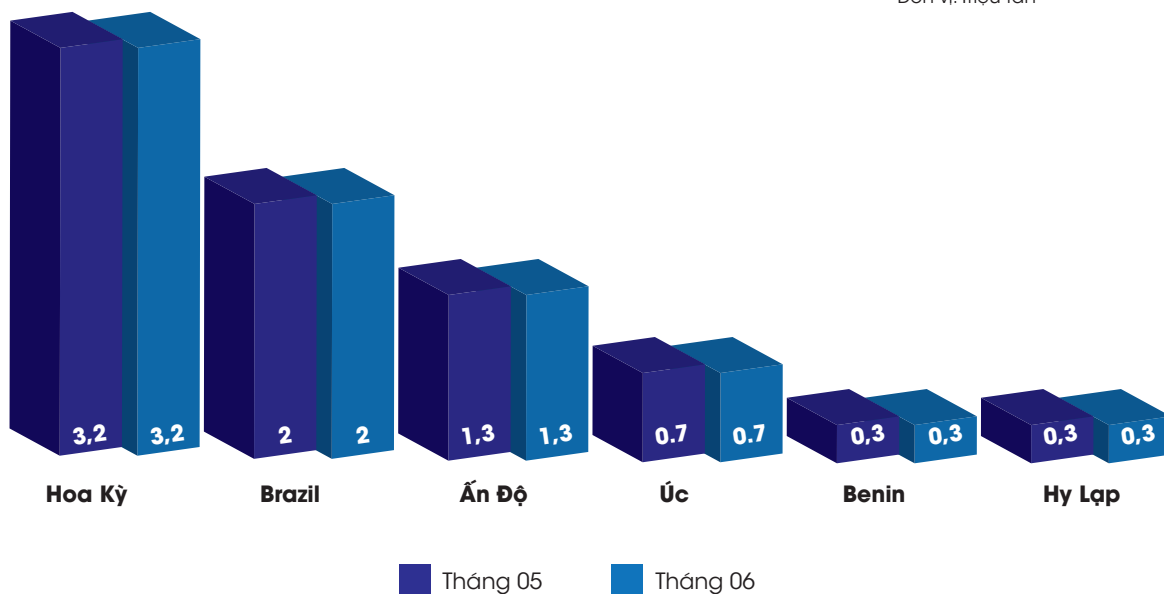
Giao dịch thương mại toàn cầu vụ 2021/22 dự kiến tăng 1,1 triệu kiện, đạt 46,6 triệu kiện. Sản lượng nhập khẩu thay đổi đáng kể ở Thổ Nhĩ Kỳ (+200.000 kiện, đạt 5,2 triệu kiện), Bangladesh (+400.000 kiện, đạt 8,0 triệu kiện), và Trung Quốc (+500.000 kiện, đạt 11,0 triệu kiện). Sản lượng xuất khẩu được điều chỉnh đáng kể ở Mỹ (+100.000 kiện, đạt 14,8 triệu kiện),



Tanzania (+100.000 kiện, đạt 325.000 kiện), Úc (+200.000 kiện, đạt 3,4 triệu kiện), và Brazil (+250.000 kiện, đạt 9,3 triệu kiện).

Các nước xuất khẩu bông lớn nhất thế giới tháng 05-06/2021

Đơn vị: Triệu tấn

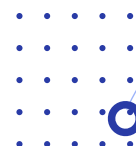


Theo Ngân hàng Thế giới, giá bông tháng 6 tăng nhẹ 4% so với tháng 5 với giá giao dịch quanh mức 2,08 USD/kg. Giá bông sợi cao hơn cùng với tỷ suất lợi nhuận dự kiến sẽ hỗ trợ tiêu thụ lớn hơn ở Ấn Độ và Việt Nam.



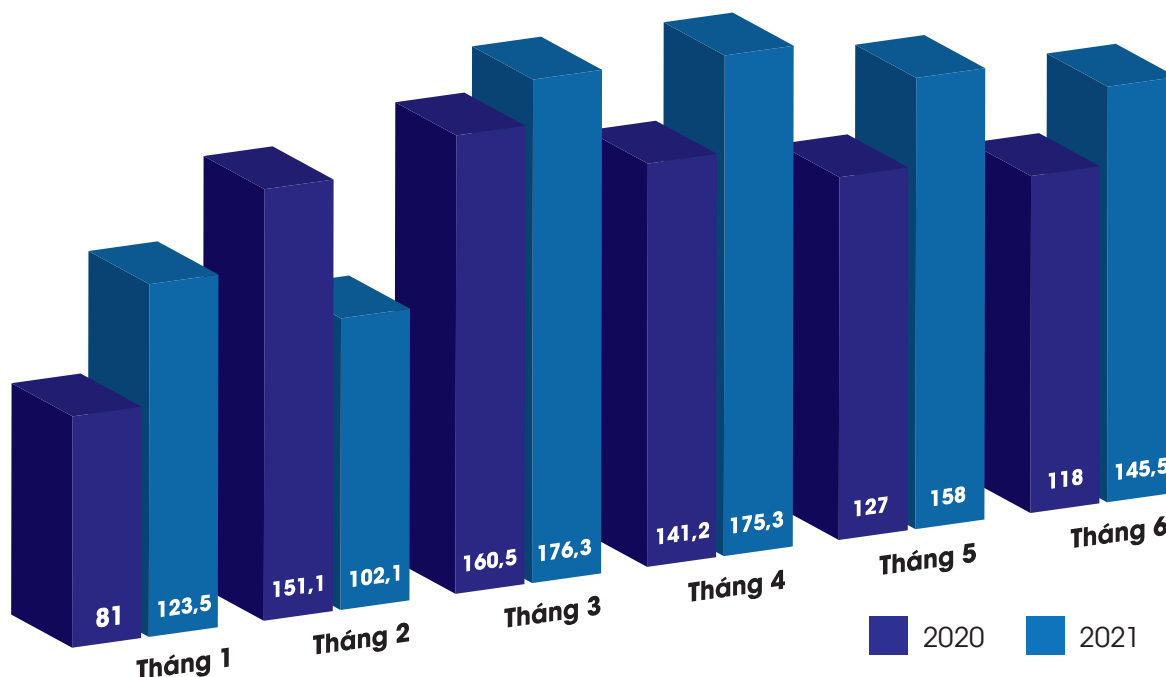
2. Xuất nhập khẩu bông sợi Việt Nam

Trong 6 tháng đầu năm nay, nhóm hàng cần nhập khẩu (nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất trong nước) chiếm 88,1% tổng kim ngạch nhập khẩu với 139,3 tỉ USD, tăng 34,8% so với cùng kỳ năm trước. Theo số liệu thống kê của Bộ Công Thương, sự hồi phục của đơn hàng xuất khẩu xơ sợi đã khiến xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2021 có thêm 1 tỷ USD. Sự phục hồi này đã kéo theo nhu cầu nhập khẩu nguyên liệu phục vụ sản xuất của các ngành tăng nhu nhập bông tăng gần 26,9%, nhập xơ sợi dệt tăng 38,1%, nhập vải tăng 32,3%.

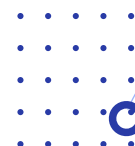


Nhập khẩu bông của Việt Nam nửa đầu năm 2020 và 2021

Đơn vị: Triệu tấn



Khối lượng bông nhập khẩu vào Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2021 ước đạt 886 nghìn tấn, trị giá 1.596 triệu USD, đơn giá bình quân 1.800 USD/tấn; tăng 13,5% về lượng, 26,5% về trị giá và 11,4% về đơn giá so với cùng kỳ. Mỹ vẫn là thị trường chính dẫn đầu xuất khẩu bông vào Việt Nam, tiếp theo là Brazil, Ấn Độ và có thể kể đến Australia. Quốc gia này trong tháng 6 đã tăng nhập khẩu bông tới 20% về khối lượng, đạt 10.118 tấn với trị giá hơn 20 triệu USD.





A. CHUYÊN ĐỀ THỊ TRƯỜNG ÚC

I. XUẤT NHẬP KHẨU CỦA ÚC

1. Tình hình xuất nhập khẩu của Úc

TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU CỦA ÚC NĂM 2020

Đơn vị: Tỷ USD

	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Tổng kim ngạch	Thặng dư
Tháng 1	19,96	17,36	37,31	2,6
Tháng 2	18,91	14,52	33,43	4,38
Tháng 3	22,49	14,8	37,29	7,69
Tháng 4	19,79	14,55	34,34	5,24
Tháng 5	19,38	14,28	33,66	5,1
Tháng 6	21,78	16,01	37,79	5,78
Tháng 7	20,46	18,15	38,61	2,32
Tháng 8	20,38	17,29	37,68	3,09
Tháng 9	20,92	17,22	38,14	3,7
Tháng 10	21,76	18,31	40,07	3,45
Tháng 11	22,21	20,78	42,99	1,43
Tháng 12	26,3	19,55	45,85	6,75
Cả năm	254,33	202,82	457,15	51,5

Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế

XU HƯỚNG XUẤT NHẬP KHẨU CỦA ÚC 5 NĂM QUA

Đơn vị: Tỷ USD

	2016	2017	2018	2019	2020
Xuất khẩu	189,39	229,72	254,53	272,58	254,53
Nhập khẩu	189,22	221,11	227,7	214,27	202,28
Tổng kim ngạch	378,61	450,83	482,23	486,85	456,81
Thặng dư	0,17	8,61	26,82	58,31	52,25
Tăng trưởng xuất khẩu (%)		21,3	10,8	7,09	-6,62
Tăng trưởng nhập khẩu (%)		16,85	2,98	-5,9	-5,6

Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế



1. Tình hình xuất nhập khẩu của Úc

MỘT SỐ ĐỐI TÁC XUẤT KHẨU VÀO ÚC NĂM 2020

Đơn vị: Tỷ USD

Đối tác xuất khẩu vào Úc	Giá trị (tỷ USD)	Thị phần (%)
Trung Quốc	57,62	28,49
Hoa Kỳ	23,75	11,74
Nhật Bản	12,09	5,98
Thái Lan	9,6	4,74
Đức	9,32	4,61
Malaysia	6,7	3,31
Hàn Quốc	6,03	2,98
Singapo	5,25	2,59
New Zealand	4,95	2,45
Anh	4,79	2,37
Italy	4,56	2,25
Việt Nam	4,3	2,12

Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế

MỘT SỐ ĐỐI TÁC NHẬP KHẨU TỪ ÚC NĂM 2020

Đơn vị: Tỷ USD

Nước nhập khẩu từ Úc	Giá trị (tỷ USD)	Thị phần (%)
Trung Quốc	90,5	28,49
Các khu vực chưa được ghi ở nơi khác	43,06	11,74
Nhật Bản	19,09	5,98
Hoa Kỳ	13,21	4,74
Hàn Quốc	12,98	4,61
Anh	10,17	3,31
Ấn Độ	7,05	2,98
New Zealand	6,93	2,59
Đài Loan	5,52	2,45
Singapo	5,43	2,37
Hồng Kông	4,71	2,25
Việt Nam	4,42	2,12

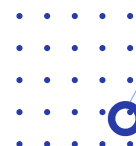
Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế



MỘT SỐ ĐỐI TÁC NHẬP KHẨU TỪ ÚC NĂM 2020

(*) Đơn vị: Tỷ USD

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Kim ngạch năm 2020 (*)	Tăng trưởng so với năm 2019 (%)
271019	Dầu trung và các chế phẩm từ dầu mỏ hoặc khoáng bitum, không chứa dầu diesel sinh học, chưa được ghi ở nơi khác	202,28	-5,6
870323	Xe ô tô và các phương tiện cơ giới khác được thiết kế chủ yếu để vận chuyển người, gồm dòng xe chở người có khoang hành lý chung (station wagons) và xe đua có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện với dung tích xi lanh trên 1500 cm ³ nhưng không quá 3000 cm ³ (không gồm xe vận chuyển người trên tuyết và xe được thiết kế đặc biệt thuộc phân nhóm 8703.10)	9,13	-36,7
710812	Vàng, bao gồm Vàng mạ bạch kim, dạng bán thành phẩm, dùng cho mục đích phi tiền tệ (không gồm Vàng dạng bột)	6,13	-17,55
270900	Dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bitum, ở dạng thô	5,94	26,95
300490	Thuốc gồm các sản phẩm đã hoặc chưa pha trộn dùng cho phòng bệnh hoặc chữa bệnh đã được đóng gói theo liều lượng gồm các sản phẩm thuộc loại dùng để hấp thụ qua da hoặc làm thành dạng nhất định hoặc đóng gói để bán lẻ (không gồm thuốc có thành phần	4,79	-44,39



(*) Đơn vị: Tỷ USD

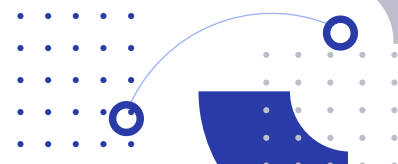
Mã HS	Mô tả hàng hóa	Kim ngạch năm 2020 (*)	Tăng trưởng so với năm 2019 (%)
300490	kháng sinh, thuốc chứa hoóc môn hoặc thành phần kháng viêm sử dụng như hoóc môn, nhưng không chứa kháng sinh, thuốc chứa alkaloit hoặc các dẫn xuất của chúng nhưng không chứa hoóc môn hoặc kháng sinh và thuốc chứa tiền vitamin, vitamin hoặc các dẫn chất sử dụng như vitamin)	4,79	-44,39
870421	Xe có động cơ dùng để chở hàng, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (động cơ diesel hoặc bán diesel), khối lượng toàn bộ theo thiết kế không quá 5 tấn (không gồm xe tự đổ sử dụng trên các loại đường không phải đường quốc lộ thuộc phân nhóm 8704.10 hoặc xe chuyên dùng có động cơ thuộc nhóm 87.05)	4,62	6,48
847130	Máy xử lý dữ liệu tự động loại xách tay, có trọng lượng không quá 10 kg, gồm ít nhất một đơn vị xử lý dữ liệu trung tâm, một bàn phím và một màn hình (không gồm các thiết bị ngoại vi)	4,07	-11,07
851712	Điện thoại dùng cho mạng di động tế bào hoặc mạng không dây khác	3,89	11,73
851762	Máy thu, đổi và truyền hoặc tái tạo âm thanh, hình ảnh hoặc dạng dữ liệu khác, kể cả thiết bị chuyển mạch và thiết bị định tuyến (không gồm điện thoại bàn, điện thoại cho	3,82	-4,11



(*) Đơn vị: Tỷ USD

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Kim ngạch năm 2020 (*)	Tăng trưởng so với năm 2019 (%)
851762	mạng di động tế bào hoặc các thiết bị không dây)	3,82	-4,11
271012	Dầu nhẹ và các chế phẩm từ dầu hoặc từ các khoáng bitum có chứa hàm lượng từ 90% trở lên (kể cả hao hụt) được chưng cất ở nhiệt độ 210°C theo phương pháp ASTM D 86 (không gồm dầu diesel sinh học)	3,39	-2,56
870333	Xe ô tô và các phương tiện cơ giới khác được thiết kế chủ yếu để vận chuyển người, gồm dòng xe chở người có khoang hành lý chung (station wagons) và xe đua có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (động cơ diesel hoặc bán diesel), dung tích xi lanh trên 2.500 cm ³ (không gồm xe vận chuyển người trên tuyết và xe được thiết kế đặc biệt thuộc phân nhóm 8703.10)	2,27	-28,36

Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế



CÁC MẶT HÀNG NHẬP KHẨU CHỦ YẾU TRONG 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

(*) Đơn vị: Triệu USD

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Kim ngạch 5 tháng đầu năm 2021 (*)	Tăng trưởng so với 5 tháng đầu năm 2020 (%)
271019	Dầu trung và các chế phẩm từ dầu mỏ hoặc khoáng bitum, không chứa dầu diesel sinh học, chưa được ghi ở nơi khác	4,81	13,38
870323	Xe ô tô và các phương tiện cơ giới khác được thiết kế chủ yếu để vận chuyển người, gồm dòng xe chở người có khoang hành lý chung (station wagons) và xe đưa có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện với dung tích xi lanh trên 1500 cm ³ nhưng không quá 3000 cm ³ (không gồm xe vận chuyển người trên tuyết và xe được thiết kế đặc biệt thuộc phân nhóm 8703.10)	3,53	46,48
710812	Vàng, bao gồm Vàng mạ bạch kim, dạng bán thành phẩm, dùng cho mục đích phi tiền tệ (không gồm Vàng dạng bột)	2,22	-15,12
870421	Xe có động cơ dùng để chở hàng, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (động cơ diesel hoặc bán diesel), khối lượng toàn bộ theo thiết kế không quá 5 tấn (không gồm xe tự đổ sử dụng trên các loại đường không phải đường quốc lộ thuộc phân nhóm 8704.10 hoặc xe chuyên dùng có động cơ thuộc nhóm 87.05)	2,59	120,4



Mã HS	Mô tả hàng hóa	Kim ngạch 5 tháng đầu năm 2021 (*)	Tăng trưởng so với 5 tháng đầu năm 2020 (%)
271019	Dầu trung và các chế phẩm từ dầu mỏ hoặc khoáng bitum, không chứa dầu diesel sinh học, chưa được ghi ở nơi khác	4,81	13,38
870323	Xe ô tô và các phương tiện cơ giới khác được thiết kế chủ yếu để vận chuyển người, gồm dòng xe chở người có khoang hành lý chung (station wagons) và xe đưa có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện với dung tích xi lanh trên 1500 cm ³ nhưng không quá 3000 cm ³ (không gồm xe vận chuyển người trên tuyết và xe được thiết kế đặc biệt thuộc phân nhóm 8703.10)	3,53	46,48
710812	Vàng, bao gồm Vàng mạ bạch kim, dạng bán thành phẩm, dùng cho mục đích phi tiền tệ (không gồm Vàng dạng bột)	2,22	-15,12
870421	Xe có động cơ dùng để chở hàng, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (động cơ diesel hoặc bán diesel), khối lượng toàn bộ theo thiết kế không quá 5 tấn (không gồm xe tự đổ sử dụng trên các loại đường không phải đường quốc lộ thuộc phân nhóm 8704.10 hoặc xe chuyên dùng có động cơ thuộc nhóm 87.05)	2,59	120,4



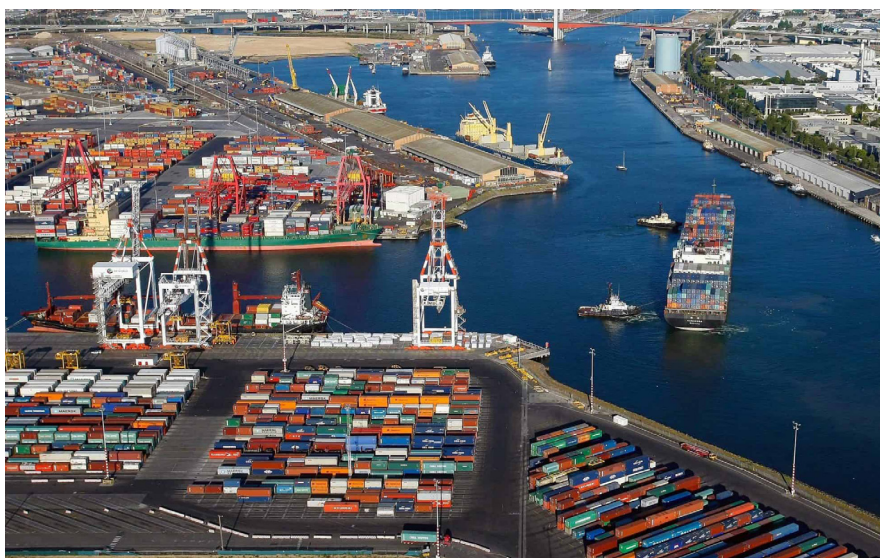
Mã HS	Mô tả hàng hóa	Kim ngạch 5 tháng đầu năm 2021 (*)	Tăng trưởng so với 5 tháng đầu năm 2020 (%)
300490	Thuốc gồm các sản phẩm đã hoặc chưa pha trộn dùng cho phòng bệnh hoặc chữa bệnh đã được đóng gói theo liều lượng gồm các sản phẩm thuộc loại dùng để hấp thụ qua da hoặc làm thành dạng nhất định hoặc đóng gói để bán lẻ (không gồm thuốc có thành phần kháng sinh, thuốc chứa hoóc môn hoặc thành phần kháng viêm sử dụng như hoóc môn, nhưng không chứa kháng sinh, thuốc chứa alkaloit hoặc các dẫn xuất của chúng nhưng không chứa hoóc môn hoặc kháng sinh và thuốc chứa tiền vitamin, vitamin hoặc các dẫn chất sử dụng như vitamin)	1,91	3,82
270900	Dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bitum, ở dạng thô	2,39	-5,45
847130	Máy xử lý dữ liệu tự động loại xách tay, có trọng lượng không quá 10 kg, gồm ít nhất một đơn vị xử lý dữ liệu trung tâm, một bàn phím và một màn hình (không gồm các thiết bị ngoại vi)	1,47	-4,05
851762	Máy thu, đổi và truyền hoặc tái tạo âm thanh, hình ảnh hoặc dạng dữ liệu khác, kể cả thiết bị chuyển mạch và thiết bị định tuyến (không gồm điện thoại bàn,	1,28	8,47



(*) Đơn vị: Triệu USD

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Kim ngạch 5 tháng đầu năm 2021 (*)	Tăng trưởng so với 5 tháng đầu năm 2020 (%)
	điện thoại cho mạng di động tế bào hoặc các thiết bị không dây)		
271012	Dầu nhẹ và các chế phẩm từ dầu hoặc từ các khoáng bitum có chứa hàm lượng từ 90% trở lên (kể cả hao hụt) được chưng cất ở nhiệt độ 210°C theo phương pháp ASTM D 86 (không gồm dầu diesel sinh học)	1,44	68,94
880230	Máy bay và phương tiện bay khác, có trọng lượng không tải trên 2.000 kg nhưng không quá 15.000 kg (không gồm trực thăng và khí cầu điều khiển được)	0,52	43,92
851712	Điện thoại dùng cho mạng di động tế bào hoặc mạng không dây khác	1,54	

Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế



II. TRAO ĐỔI THƯƠNG MẠI VỚI VIỆT NAM

1. Xuất nhập khẩu giữa Úc và Việt Nam

XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM SANG ÚC TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Đơn vị: Triệu USD

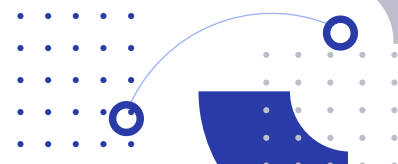
Mặt hàng	6T/2020	6T/2021	Tăng/giảm (%)
Kim ngạch XK	1.649	2.088	26,67
Điện thoại các loại và linh kiện	335,8	331,7	-1,20
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	195	261,8	34,28
Giày dép các loại	118,2	193,2	63,42
Hàng dệt, may	105,7	168,7	59,65
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	145,2	147,8	1,77
Hàng thủy sản	81,4	130	59,74
Gỗ và sản phẩm gỗ	61,8	85,1	37,69
Phương tiện vận tải và phụ tùng	26,9	68,5	154,62
Sản phẩm từ sắt thép	44,5	66,3	48,98
Dầu thô	80,7	63,8	-21,03
Hàng rau quả	26,6	40,6	52,54
Hạt điều	45,1	38,8	-13,91
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	18,5	37,2	100,33
Sản phẩm từ chất dẻo	30	36,8	22,77
Túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù	20,2	25,4	25,37
Giấy và các sản phẩm từ giấy	21,05	24,1	14,61
Sản phẩm hóa chất	21,8	24,01	10,39
Kim loại thường khác và sản phẩm	15,5	23,9	54,02
Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ	14,7	23	55,85
Sắt thép các loại	12,7	16,4	28,79
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	13	15,2	17,39
	19	13,6	-28,25



Đơn vị: Triệu USD

Mặt hàng	6T/2020	6T/2021	Tăng/giảm (%)
Cà phê	8,6	13	49,89
Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	4,7	12,4	162,78
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	7,5	11,94	58,51
Gạo			
Sản phẩm gốm, sứ	7,06	9,8	38,98
Dây điện và dây cáp điện	4,47	9,6	114,73
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	8,7	7,9	-8,48
Sản phẩm từ cao su	5,13	6,82	32,91
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	2,04	5,6	176,99
Hạt tiêu	2,8	4,8	72,73
Clanhke và xi măng	3,3	4,6	39,43
Chất dẻo nguyên liệu	5,4	4,1	-24,57
Hàng hóa khác	134,8	160,96	19,39

(Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam)



NHẬP KHẨU CỦA VIỆT NAM TỪ ÚC TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Đơn vị: Triệu USD

Mặt hàng	6T/2020	6T/2021	Tăng/giảm (%)
Kim ngạch NK	2.305	3.659,36	58,76
Quặng và khoáng sản khác	293,1	1.025	249,68
Than các loại	922,4	777,22	-15,74
Lúa mì	126,43	482,08	281,31
Kim loại thường khác	256,4	452,88	76,6
Phế liệu sắt thép	39,8	115,6	190,55
Bông các loại	18,94	72,67	283,61
Hàng rau quả	50,42	54,45	7,99
Sữa và sản phẩm sữa	26,9	42,36	57,34
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	8,31	27,47	230,41
Sản phẩm hóa chất	17,69	23,62	33,53
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	20,69	18,11	-12,48
Gỗ và sản phẩm gỗ	11,1	13,89	25,18
Dược phẩm	7,4	11,54	55,81
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	22,27	11,53	-48,24
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	4,1	11,23	173,82
Chế phẩm thực phẩm khác	5,43	6,75	24,13
Dầu mỡ động thực vật	7,058	6,15	-12,79
Chất dẻo nguyên liệu	2,57	5,95	131,9
Sản phẩm khác từ dầu mỏ	3,8	5,53	45,18
Sắt thép các loại	18,06	3,42	-81,07
Sản phẩm từ sắt thép	1,94	2,12	9,20
Hóa chất	983,55	1.705,93	73,45
Khí đốt hóa lỏng		1.070,28	
Hàng hóa khác	439,01	486,86	10,90

(Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam)



2. Tình hình xuất khẩu một số mặt hàng sang Úc và dự báo trong thời gian tới

2.1. Đồ nội thất

Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại quốc tế (ITC) trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Úc trong giai đoạn 2016 – 2020 đạt trung bình gần 1,5 tỷ USD mỗi năm, với tốc độ tăng trưởng bình quân là 2,2%/năm.

Trong năm 2020, mặc dù chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 nhưng trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Úc vẫn tăng, đạt 1,56 tỷ USD, tăng 4,6% so với năm 2019.

Ghế khung gỗ, đồ nội thất phòng khách và phòng ăn, đồ nội thất phòng ngủ là 3 mặt hàng chính Úc nhập khẩu trong 6 tháng đầu năm 2021, tỷ trọng nhập khẩu 3 mặt hàng này chiếm 92,9% tổng trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Úc. Trong đó, mặt hàng ghế khung gỗ đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất, tiếp theo là đồ nội thất phòng ngủ, đồ nội thất phòng khách và phòng ăn.

Thị trường xây dựng tại Úc đang bùng nổ kéo theo nhu cầu về đồ nội thất



và các sản phẩm gỗ tăng mạnh tại thị trường này. Theo số liệu từ Thương vụ Việt Nam tại Úc, hiện nay, thị trường xây dựng và vật liệu xây dựng Úc đang tăng mạnh, trong đó tổng đơn vị nhà ở được điều chỉnh theo mùa đạt 51.055 căn, tăng 18,6%; các dự án xây dựng nhà ở tư nhân mới khởi công đạt 33.761 căn nhà, tăng 26,6%; các dự án nhà ở khác của khu vực tư nhân đạt 16.049 công trình, tăng 4,1%; tổng giá trị các công trình đã hoàn thành đạt 29,4 tỷ AUD, tăng 0,1%.

Trong 6 tháng đầu năm 2021, Úc tăng mạnh nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ các thị trường, trong đó Việt Nam là thị trường cung cấp đồ nội thất





bằng gỗ lớn thứ hai cho Úc, đạt 85,1 triệu USD. Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam chiếm 12,2% tổng trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Australia, tăng 1,6 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2020. Tỷ trọng xuất khẩu vẫn thấp, trong khi nhu cầu thị trường lớn là cơ hội để các doanh nghiệp đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường Úc trong thời gian tới.

2.2. Nông sản

Là một đối tác lâu năm trong lĩnh vực kinh tế, Úc là thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam ở nhiều nhóm hàng khác nhau. Trong đó, nông sản chiếm một tỉ lệ khá "khiêm tốn" so với

một số thị trường thế mạnh khác như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, ... nhưng nếu tận dụng được tốt các cơ hội, quốc gia lớn nhất khu vực châu Đại Dương sẽ là một thị trường xuất khẩu đầy tiềm năng. Việt Nam hiện là đối tác cung cấp một số mặt hàng nông sản sang thị trường này như: hàng rau quả, chè, cà phê, hạt tiêu, gạo,

SỐ LIỆU XUẤT KHẨU CÁC MẶT HÀNG NÔNG SẢN VIỆT NAM SANG ÚC THÁNG 6 VÀ 6 THÁNG NĂM 2021

Đơn vị: Triệu USD

Nhóm/ mặt hàng chủ yếu	Tháng 6/2021		Tháng 6/2021		Tháng 6/2021		Tháng 6/2021	
	Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
Hàng rau quả		6,59		64,8		40,65		52,54
Hạt điều	1.235	7,38	-14,18	-14,65	6.471	38,85	-7,17	-13,91
Cà phê	1.564	2,97	1,89	12,44	7.126	13,65	-38,23	-28,25
Hạt tiêu	155	0,54	6,16	33,15	1.385	4,84	41,47	72,73
Gạo	2.632	1,73	-4,26	-3,20	18.829	11,94	56,36	58,51
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc		2,65		0,25		15,27		17,39

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan



Hàng rau quả

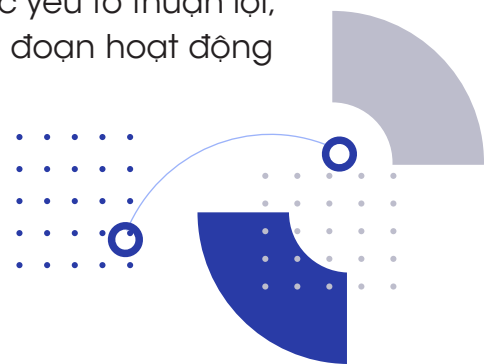
Úc là một trong 10 thị trường lớn của rau quả xuất khẩu Việt Nam với kim ngạch tăng mạnh 44% trong năm 2020. Giữ vững đà tăng trưởng đó, hàng rau quả xuất khẩu tới thị trường này trong 6 tháng đầu năm 2021 đạt 40,65 triệu USD, tăng 52,54% so với cùng kỳ năm 2020. Thông qua các chương trình xúc tiến thương mại và kế hoạch quảng bá, xây dựng thương hiệu, các mặt hàng rau quả của Việt Nam được cho phép xuất khẩu sang thị trường có yêu cầu cao như Úc ngày càng đa dạng hơn, đặc biệt là trái cây tươi như thanh long, xoài, vải, nhãn.

Cùng với sầu riêng đông lạnh, gạo và các nông sản đặc trưng vùng miền đông lạnh, kể từ năm 2019, xoài xanh là mặt hàng được Thương vụ Việt Nam tại Úc lựa chọn đẩy mạnh tiếp thị, kết nối giao thương. Năm 2020 số lượng xoài xanh Việt Nam xuất sang Úc tăng gấp đôi so với năm 2019. Đáng chú ý, chỉ tính riêng 4 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu xoài từ Việt Nam sang thị trường này tăng trưởng mạnh lên đến 36,68% so với cùng kỳ, đạt 275.000 USD. Hiện các cửa hàng, siêu thị tại khu vực Melbourne, Sydney đang bán xoài xanh Việt Nam với giá 15 -17 AUD/1kg (tùy khu vực).

Thanh long là mặt hàng trái cây xuất khẩu chủ lực của Việt Nam với kim ngạch xuất khẩu năm 2019 đạt 1,25 tỷ USD, năm 2020 đạt 1,121 tỷ USD. Nửa đầu năm 2021 xuất khẩu thanh long đạt 1,2 triệu tấn, tăng 138% so với cùng kỳ năm ngoái. Riêng với thị trường Úc, kim ngạch xuất khẩu thanh long từ Việt Nam năm 2020 tăng trưởng kỷ lục lên đến 36% so với năm 2019 và đạt 4,18 triệu USD. 6 tháng đầu năm 2021, thanh long



Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Úc ổn định, giá tốt. Trong đó, tại hệ thống siêu thị hàng đầu của Úc như Coles, thanh long được bán với giá 4,9 AUD/quả (tương đương với 80.000 đồng tiền Việt). Các siêu thị, cửa hàng tại Melbourne, Adelaide, Sydney, thanh long có giá khoảng 9-15 AUD/kg. Dự báo xuất khẩu hàng rau quả khả quan trong nửa cuối năm 2021. Đó là bởi, kinh tế thế giới được dự báo có nhiều khởi sắc, thương mại hàng hóa toàn cầu có xu hướng phục hồi cao hơn so với trước đại dịch do nhiều quốc gia triển khai nhanh việc tiêm vắc xin. Bên cạnh các yếu tố thuận lợi, dịch Covid-19 bùng phát lần thứ 4 tại Việt Nam làm gián đoạn hoạt động



thu hoạch và sản xuất hàng rau quả tại các khu vực trồng chính.

Gạo

Sản lượng gạo của Úc duy trì độ biến động cao, do sự thay đổi của nguồn nước và giá các loại cây trồng thay thế. Theo số liệu của Bộ Khoa học, Kinh tế Tài nguyên và Nông nghiệp Úc (ABARES) và Cơ quan Thống kê Úc (ABS), sản lượng gạo niên vụ 2019-2020 đạt khoảng 57.000 tấn. Trong điều kiện thời tiết bình thường, dự đoán niên vụ 2020-2021, sản lượng gạo của Úc sẽ vào khoảng 266.000 tấn. Mức sản lượng này thấp hơn nhiều so với mức trung bình 10 năm tính đến niên vụ 2018-2019 là 629.000 tấn.

Người dân Úc tiêu thụ khoảng 300.000 tấn gạo mỗi năm, trong đó nhập khẩu chiếm khoảng một nửa tổng lượng tiêu thụ - trung bình là 173.000 tấn giai đoạn 2009-2010 và 2018-2019. Hầu hết gạo nhập khẩu là dòng gạo hạt dài đến từ các quốc gia châu Á, như Việt Nam, Thái Lan, Pakistan và Ấn Độ. Các nguồn nhập khẩu này cung cấp cho Úc một khối lượng gạo ổn định hơn so với nguồn sản xuất nội địa dễ bị thay đổi.

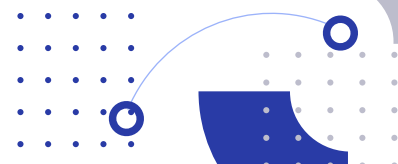
Trong nửa đầu năm 2021, Việt Nam đã thu được 11,94 triệu USD từ 18.829 tấn gạo xuất khẩu sang thị trường Úc, tăng 58,51% về giá trị và 56,36% về lượng so với cùng kỳ năm 2020. Tuy nhiên, tính riêng tháng 6 năm 2021, hai chỉ số này giảm nhẹ ở mức 4,26% và 3,2%.

Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) dự báo Việt Nam sẽ tiếp tục đứng thứ hai về xuất khẩu gạo với 6,4 triệu tấn, tăng 233.000 tấn, giữa bối cảnh nhu cầu tiêu thụ và dự trữ lương thực trên thế giới năm 2021 vẫn ở mức cao.

Hạt tiêu

Úc không có thời tiết thuận lợi để trồng tiêu, vì vậy để đáp ứng nhu cầu trong nước, Úc thường nhập khẩu hạt tiêu từ nhiều nước sản xuất. Từ năm 2001 đến nay, nhập khẩu tiêu của Úc có xu hướng tăng. Tổng lượng tiêu nhập khẩu đạt khối lượng lớn nhất năm 2017 ở mức 4.012 tấn, gồm 1.968 tấn tiêu nguyên hạt và 2.044 tấn tiêu xay. Trong đó, phần lớn tiêu nhập khẩu vào Úc đến từ Việt Nam, theo sau là Ấn Độ, Indonesia và một số nước khác.

Theo Tổng cục Hải quan, xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam sang Úc trong 6 tháng đầu năm 2021 đạt 4,84 triệu





USD, tăng 41,47% về lượng và tăng 72,73 % về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Trong tháng 6/2021, giá xuất khẩu bình quân hạt tiêu của Việt Nam đạt 3.580 USD/tấn, ghi nhận mức tăng cao nhất kể từ tháng 2/2018, tăng 4,4% so với tháng 5/2021 và tăng 54,7% so với tháng 6/2020. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, giá xuất khẩu bình quân hạt tiêu của Việt Nam đạt 3.225 USD/ tấn, tăng 51,1% so với cùng kỳ năm 2020. Tuy nhiên, xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam khá thuận lợi trong tháng 6/2021, tuy nhiên diễn biến phức tạp của làn sóng Covid-19 lần thứ 4 sẽ ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu mặt hàng này trong thời gian tới.

II. MỘT SỐ QUY ĐỊNH VÀ LƯU Ý KHI NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀO ÚC

Tuy là thị trường tiềm năng, mang đến nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp nhưng thị trường Úc lại là thị trường nhiều thách thức do Chính phủ Úc đặt ra rất nhiều các quy định nhập khẩu, đặc biệt các quy định nghiêm ngặt về vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật được sử dụng như một hàng rào kỹ thuật đối với các nước nhập khẩu nhằm bảo hộ ngành sản xuất nông nghiệp trong nước. Do đó, để khai thác tối đa cơ hội xuất khẩu sang thị trường đầy tiềm năng này các doanh nghiệp Việt Nam cần phải nắm rõ những quy định và lưu ý chung cũng như cho từng ngành hàng cụ thể.

1. Một số quy định và lưu ý chung

1.1. Các luật và quy định nhập khẩu

Chính phủ Úc ban hành một số luật và quy định các doanh nghiệp phải tuân thủ khi nhập khẩu hàng hóa vào Úc.

Một số quy định chung về nhập khẩu doanh nghiệp có thể tham khảo trên website của Cơ quan Di trú và Biên phòng tại địa chỉ:

<https://www.abf.gov.au/importing-exporting-and-manufacturing/importing/how-to-import>

Các quy định về nhập khẩu hàng nông sản, thực phẩm có thể tham khảo trên website của Bộ Nông nghiệp tại địa chỉ:

<https://www.agriculture.gov.au/import/before/how-to-import>

1.2. Giấy phép nhập khẩu

Có một số quy định kiểm soát hàng hóa được phép và không được phép nhập khẩu vào Úc. Các quy định này được quản lý và kiểm soát bởi một số cơ quan chính phủ khác nhau.

Phần lớn các mặt hàng có thể nhập khẩu vào Úc mà không cần phải có giấy phép nhập khẩu. Tuy nhiên, có một số mặt hàng cần xin giấy phép nhập khẩu, trong khi một số rất ít một số mặt hàng khác bị cấm nhập khẩu hoàn toàn. Các mặt hàng bị cấm nhập khẩu là những mặt hàng không ai có thể nhập khẩu vào Úc trong bất cứ trường hợp nào.

Các loại hàng hóa bị cấm hoặc hạn chế nhập khẩu chủ yếu là các mặt hàng như hóa chất nguy hiểm, dược phẩm, ma túy, một số loại thực phẩm nhất định, vũ khí, thuốc lá và một số loại vật liệu sinh học. Danh sách các mặt hàng bị cấm hoặc hạn chế nhập khẩu tại link sau:

<https://www.abf.gov.au/importing-exporting-and-manufacturing/prohibited-goods/list-of-items>

1.3. Quy định về kiểm dịch

Là một quốc đảo có ngành nông nghiệp đóng vai trò quan trọng, các quy định kiểm dịch của Úc rất chặt chẽ.

Tất cả các loại thực vật nhập khẩu, cho dù tươi hoặc không, hoặc những phần của cây cối như quả, hạt, cành, củ... cũng như gỗ và tất cả những vật phẩm làm từ gỗ, tre, đều phải được kiểm dịch và phải



chuyển đến cơ quan kiểm dịch thực vật. Những sản phẩm nhập khẩu bị phát hiện có nhiễm khuẩn sẽ phải được xử lý, tiêu hủy hoặc gửi trả lại bằng chi phí của chủ hàng. Một số loại cây cảnh, hạt, rau quả tươi, phải được cấp phép trước khi nhập khẩu.

Đất bị cấm nhập khẩu vào Úc nên bất kỳ một sản phẩm nào bị phát hiện có đất sẽ bị cách ly kiểm dịch và được trả ra khi cơ quan kiểm dịch xác định rằng các nguy cơ đã được loại bỏ hoàn toàn.

Các doanh nghiệp Việt Nam nên cập nhật những quy định mới nhất trước khi xuất khẩu hàng hoá sang thị trường như sau:



Quy định kiểm dịch đối với gỗ thanh và gỗ khúc

Một số côn trùng có hại nguy cơ cao đe dọa an toàn sinh học của Úc bao gồm một số loài bọ cánh cứng, bướm đêm, mối, ong có tên tiếng Anh chính xác như sau: Asian Longhorn Beetle, Burnt Pine Longicorn Beetle, Japanese Pine Sawyer Beetle, Asian Gypsy Moth, Termites, Auger Beetle, Powder Post Beetle, Wood Wasps.

Rất nhiều côn trùng ngoại lai ở trong gỗ và các sản phẩm từ gỗ dưới dạng trứng hoặc ấu trùng mà chưa thể nhận biết ngay được. Những côn trùng này có thể xuất hiện sau nhiều năm.

Các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam phải lưu ý và tuân thủ các điều kiện nhập khẩu liên quan đến an toàn sinh học. Các điều kiện nhập khẩu được xây dựng dựa trên các bằng chứng khoa học, các phân tích nghiêm ngặt, và các tin tức thu thập được là yếu tố quan trọng để không cho các loại côn trùng xâm nhập và phát tán bệnh tật trong nước Úc.

Có hai bước trong tiến trình kiểm tra an toàn sinh học đối với việc nhập khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ:

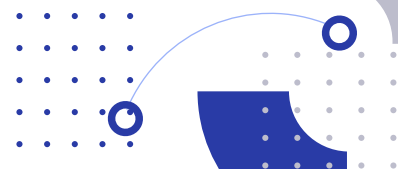
- Kiểm tra danh sách gỗ và các sản phẩm từ gỗ để xác định hàng hoá của doanh nghiệp mình thuộc danh mục nào;
- Kiểm tra Cơ sở dữ liệu nhập khẩu dựa trên danh mục hàng hoá được xác định ở trên để xác định yêu cầu nhập khẩu.

Nguy cơ an toàn sinh học có thể được xử trước hoặc khi đến biên giới thông qua việc sử dụng các biện pháp đã được Úc thông qua (phụ

thuộc vào các yêu cầu nhập khẩu). Những biện pháp xử lý này bao gồm xông khói, chiếu xạ, đốt nóng, đun sôi, hoặc cách ly tạm thời.

Quy định kiểm dịch đối với vật liệu bao gói

Các loại túi được sử dụng làm bao gói cho những lô hàng là các sản phẩm có nguồn gốc thực vật phải là những loại túi mới, sạch và bền, đảm bảo không làm rơi hàng hoá đựng bên trong. Các loại túi được tái sử dụng trong vận chuyển hàng hoá phải được kiểm dịch và xử lý tiêu huỷ hoặc tái xuất. Tất cả các loại gỗ gồm sọt, tấm lót, tấm chặn, tấm kê hàng cũng phải được kiểm



tra trừ trường hợp có chứng nhận các loại gỗ này đã được xử lý chống côn trùng lây lan bằng phương pháp thích hợp đã được Cơ quan An toàn Sinh học của Bộ Nông nghiệp, Thủy sản và Lâm sản Úc thông qua.

Vật liệu bao gói có nguồn gốc thực vật bị cấm nhập khẩu trừ các loại sau: sợi gỗ (wood-wool), mùn cưa, giấy vụn, giấy bồi, vỏ gỗ sồi nghiền nhỏ, than bùn. Các loại vật liệu bao gói khác được chấp nhận bao gồm perlite[1], vermiculite[2] và các loại vật liệu tổng hợp. Tất cả các loại rơm ngũ cốc bị cấm nhập khẩu và không được sử dụng làm vật liệu bao gói.

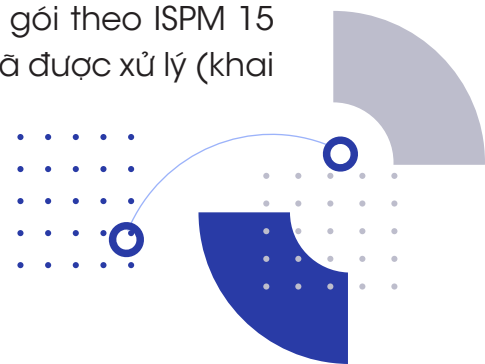
Hàng hoá đóng trong container nguyên chiếc giao tận nơi nhận không phải kiểm dịch nếu thành phần gỗ sàn và gỗ lót đã được xử lý bằng một phương pháp được chấp nhận. Để tránh việc kiểm tra đóng gói, có thể sử dụng các vật liệu thay thế như bìa các tông, sợi dây mới hoặc kim loại. Khi sử dụng các loại sọt, thùng hoặc tấm kê hàng, cần xử lý những vật dụng này bằng phương pháp thích hợp đã được Cơ quan An toàn Sinh học của Bộ Nông nghiệp, Thủy sản và Lâm sản Úc thông qua.

Một điều quan trọng cần lưu ý container đóng hàng cần phải sạch, không dính đất và không có những chất ô nhiễm từ động thực vật như các



hạt ngũ cốc, bột mỳ, thịt, xương, và da. Vật liệu bao gói làm bằng rơm, vỏ trấu và những nguyên liệu tương tự từ thực vật bị cấm nhập khẩu và không được sử dụng để đóng gói.

Cơ quan An toàn Sinh học của Bộ Nông nghiệp, Thủy sản và Lâm sản Úc đã mở rộng việc thực hiện các biện pháp kiểm dịch động thực vật theo tiêu chuẩn quốc tế (ISPM 15) đối với tất cả các vật liệu bao gói và lót hàng bằng gỗ vận chuyển bằng đường hàng không khi nhập khẩu vào Úc. Việc tuân thủ là bắt buộc, hoặc tuân thủ quy định bao gói theo ISPM 15 hoặc đưa ra bằng chứng chứng minh các loại bao gói đã được xử lý (khai



bao đóng gói/chứng nhận xử lý).

Nếu các điều kiện đề cập ở trên không được tuân thủ, các vật liệu bao gói bằng gỗ sẽ được xử lý, tiêu huỷ hoặc tái xuất với chi phí do người nhập khẩu tự chịu.

Các doanh nghiệp nhập khẩu vào Úc cần trình tờ khai đóng gói vận chuyển bằng đường hàng không theo ISPM 15. Tờ khai cần được in trên giấy tiêu đề của công ty cung cấp hàng hoá hoặc công ty vận chuyển, bao gồm vận đơn hàng không, số hoá đơn thương mại và ghi ngày tháng, ký, đóng dấu.

Nếu bao gói được đánh dấu hoặc đóng dấu tuân thủ ISPM 15 và tờ khai đóng gói vận chuyển theo đường hàng không theo ISPM 15 được cung cấp đầy đủ thì không cần tài liệu bổ sung nào khác.

Lưu ý quan trọng: Đối với các lô hàng mà bao gói bằng gỗ không đáp ứng được theo ISPM 15, doanh nghiệp cần phải có giấy chứng nhận còn hiệu lực về việc bao gói đã được xông khói kèm theo tờ khai đóng gói vận chuyển bằng đường hàng không, nếu không hàng hoá sẽ bị chuyển thẳng đến cơ quan an toàn sinh học của Bộ Nông nghiệp, Thủy sản và Lâm nghiệp Úc để kiểm tra, xử lý, tiêu huỷ, hoặc tái xuất với mọi chi phí do người

nhập khẩu chịu.

Quy định kiểm dịch với hoa tươi

Hoa tươi có thể được nhập khẩu vào Úc với điều kiện chúng không thuộc những giống bị cấm theo quy định về kiểm dịch, không có nguồn gốc từ những khu vực đang xảy ra dịch bệnh hay là những loài dễ phát tán giống từ bất kỳ phần nào của cành hoặc cuống hoa.

Tất cả các loại hoa tươi phải



được kiểm tra tại cửa khẩu về sâu bệnh, ốc sên và các bệnh khác. Trong trường hợp tìm thấy bệnh dịch ở hoa, chúng phải được đưa đi xử lý, tái xuất hoặc hủy bỏ.

Quy định kiểm dịch với sản phẩm từ động vật

Úc áp dụng các qui định rất chặt chẽ đối với sản phẩm từ động vật. Những sản phẩm này chỉ có thể được nhập khẩu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện và có các chứng từ phù hợp kèm theo.

Quy định kiểm dịch với thực phẩm



Cơ quan an toàn sinh học của Bộ Nông nghiệp, Thủy sản và Lâm nghiệp Úc chịu trách nhiệm quản lý hai bộ các yêu cầu mà thực phẩm nhập khẩu cần phải tuân thủ khi nhập khẩu vào Úc. Bộ thứ nhất yêu cầu về kiểm dịch. Bộ thứ hai yêu cầu về an toàn thực phẩm và hai bộ này nằm trong Luật Quản lý Thực phẩm Nhập khẩu ban hành năm 1992.

Tất cả thực phẩm nhập khẩu phải đáp ứng các yêu cầu về an toàn sinh học. Khi thực phẩm nhập khẩu đáp ứng được các yêu cầu này, thực phẩm được giám sát để đáp ứng được với Luật Tiêu chuẩn Thực phẩm của Úc và New Zealand.

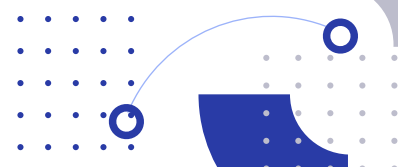
Luật kiểm dịch năm 1908 qui định các điều kiện về kiểm dịch bắt buộc tất cả các loại thực phẩm nhập khẩu phải đáp ứng. Các hạn chế về kiểm dịch áp dụng cho nhiều loại thực phẩm tươi sống và thực phẩm chế biến được mang qua sân bay hoặc gửi đến Úc với mục đích tiêu dùng cá nhân. Những mặt hàng bị hạn chế bao gồm:

- Trứng và các sản phẩm từ trứng
- Các sản phẩm sữa
- Thịt không đóng hộp
- Các loại hạt
- Hoa quả và rau tươi

Các nhà nhập khẩu thực phẩm với mục đích thương mại khi nhập khẩu rau, quả tươi hoặc thực phẩm có sữa, trứng, thịt hoặc sản phẩm từ động vật khác cần phải được cấp phép trước khi nhập khẩu.

Tương tự như thực phẩm sản xuất tại nước Úc, thực phẩm nhập khẩu vào Úc phải đáp ứng được các tiêu chuẩn về thực phẩm. Việc giám sát thực phẩm nhập khẩu thuộc trách nhiệm của nhiều cơ quan chính phủ bao gồm các cơ quan địa phương, các tiểu bang và vùng lãnh thổ, và liên bang.

Cơ quan Tiêu chuẩn về Thực phẩm của Úc và New Zealand (FSANZ) là một cơ quan chính phủ chịu trách nhiệm phát triển và duy trì Luật Tiêu chuẩn Thực phẩm của Úc và New Zealand. Luật của Úc yêu cầu tất cả các loại thực phẩm phải đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn





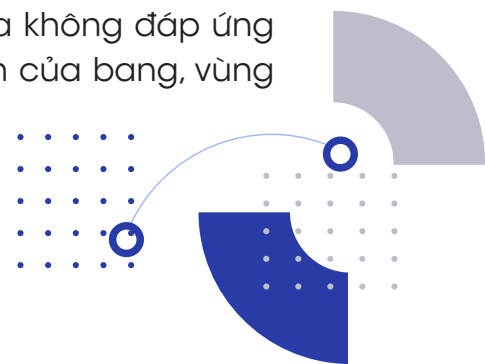
thực phẩm được qui định trong Luật Tiêu chuẩn Thực phẩm. Luật này áp dụng cho tất cả các loại thực phẩm bán trên thị trường nước Úc, bất kể là thực phẩm sản xuất trong nước hay thực phẩm nhập khẩu.

Cơ quan Tiêu chuẩn về Thực phẩm của Úc và New Zealand (FSANZ) theo dõi các vụ việc về an toàn thực phẩm trên toàn thế giới để đưa ra khuyến nghị cho Bộ Nông nghiệp, Thủy sản và Lâm nghiệp Úc (DAFF) về việc giám sát và kiểm tra thực phẩm nhập khẩu vào Úc. FSANZ khuyến cáo DAFF những thực phẩm có nguy cơ trung bình hoặc nguy cơ cao đến sức khỏe của con người và đề xuất những biện pháp kiểm tra phù hợp. FSANZ còn đưa ra các đề xuất về đánh giá rủi ro cho các nhà làm luật ở các bang và

vùng lãnh thổ, những người có trách nhiệm giám sát tất cả các loại thực phẩm tại bang và vùng lãnh thổ, bao gồm cả thực phẩm nhập khẩu.

Thực phẩm nhập khẩu vào Úc là đối tượng của Luật Kiểm soát Thực phẩm Nhập khẩu năm 1992. Luật này cho phép kiểm tra và giám sát thực phẩm nhập khẩu thông qua chương trình kiểm tra rủi ro tại biên giới, thuộc chương trình kiểm tra thực phẩm nhập khẩu của DAFF (IFIS). FSANZ đề xuất DAFF những nhóm hàng thực phẩm có rủi ro để thực hiện kiểm tra trong chương trình IFIS.

Ngoài các hoạt động kiểm tra thực hiện bởi DAFF tại biên giới, các cơ quan của tiểu bang và các vùng lãnh thổ có trách nhiệm giám sát tất cả các loại thực phẩm, bao gồm cả thực phẩm nhập khẩu, để bảo đảm các thực phẩm này an toàn khi bán ra thị trường. Mỗi bang và vùng lãnh thổ có luật riêng về thực phẩm, dựa trên Luật Thực phẩm mẫu do FSANZ soạn thảo và được Hội đồng Bộ trưởng về các qui định liên quan đến thực phẩm của Úc và New Zealand (ANZFRMC) thông qua. Mỗi bang và vùng lãnh thổ có hành động kiểm soát thực phẩm khác nhau nhưng đều nằm trong chương trình IFIS. Đối với các vấn đề liên quan đến thực phẩm nhập khẩu DAFF không kiểm tra hoặc sau này bị phát hiện ra không đáp ứng được tiêu chuẩn, FSANZ, DAFF và các cơ quan liên quan của bang, vùng



lãnh thổ sẽ làm việc chặt chẽ với nhau để xử lý.

1.4. Quy định về an toàn sinh học

Nhập khẩu thực vật và các sản phẩm thực vật từ nước ngoài, trong đó có nhập khẩu thực phẩm có thể mang theo nguy cơ lớn vào nước Úc những loại cỏ dại, sâu bệnh và bệnh tật có thể đe dọa môi trường tự nhiên của Úc, an ninh lương thực cũng như toàn bộ nền kinh tế. Sản phẩm thực vật bao gồm bất kỳ hàng hóa nào có thành phần thực vật hoặc nguồn gốc thực vật bao gồm cả các sản phẩm cả gỗ và tre, hoa, lá, cành, sản phẩm làm vườn, và thực phẩm có nguồn gốc thực vật khác, thức ăn làm từ thực vật cũng như thức ăn cho gia súc.

Tất cả các loại thực vật và sản phẩm từ thực vật, bao gồm cả thực phẩm khi nhập khẩu và Úc phải tuân thủ các quy định an toàn sinh học của Úc trong Đạo luật An toàn sinh học năm 2015. Chương 3 của Đạo luật này quy định rõ vấn đề quản lý rủi ro an toàn sinh học đối với hàng hóa. Các quy định chi tiết về Đạo luật an toàn sinh học năm 2015 xem tại địa chỉ dưới đây:

<https://www.legislation.gov.au/Details/C2015A00061>

1.5. Quy định và lưu ý về an toàn thực phẩm

Một khi tất cả các yêu cầu về an toàn sinh học đã được giải quyết, thực phẩm nhập khẩu cũng phải tuân thủ các quy định liên quan đến thực phẩm nhập khẩu của Úc, được quy định trong Luật Kiểm soát thực phẩm nhập khẩu năm 1992 (Imported Food Control):

<https://www.legislation.gov.au/Details/C2016C01051>

và Bộ Luật Tiêu chuẩn thực phẩm Úc và New Zealand (Australian and New Zealand Food Standard Code):

<https://www.foodstandards.gov.au/code/Pages/default.aspx>

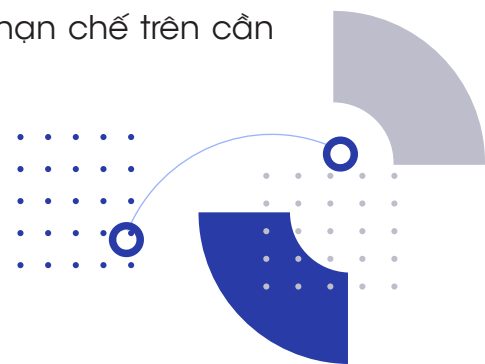
*** Các lưu ý khi doanh nghiệp nhập khẩu thực phẩm vào Úc:**

- Trước khi nhập khẩu: Cần hiểu rõ các mặt hàng đó có được phép nhập khẩu không, nếu được thì các điều kiện nhập khẩu đối với mặt hàng đó là gì dựa vào BICON để xác định các yêu cầu nhập khẩu.

Thực phẩm nhập khẩu vào Úc phải tuân thủ theo các yêu cầu về an toàn sinh học. Áp dụng các hạn chế về kiểm dịch đối với nhiều loại thực phẩm chưa chế biến bao gồm:

- + Trứng và các sản phẩm từ trứng;
- + Các sản phẩm từ sữa;
- + Thịt không đóng hộp;
- + Hạt giống và hạt;
- + Rau quả tươi.

Muốn nhập khẩu thương mại các thực phẩm bị hạn chế trên cần phải xin giấy phép nhập khẩu.



- Chuẩn bị nhập khẩu: Hàng hóa trước khi xuất khẩu cần phải được đóng gói và xử lý nhằm đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nhập khẩu của Úc. Để đảm bảo hàng hóa có thể nhập cảnh vào Úc trong thời gian nhanh nhất thì doanh nghiệp cần tuân thủ các điều kiện sau:

- + Sử dụng thùng chứa hàng sạch sẽ;
- + Cung cấp tờ khai đóng gói rõ ràng;
- + Vỏ đóng gói bằng gỗ phải được xử lý trước và không được có vỏ cây;
- + Các phương pháp xử lý có thể được thực hiện bên ngoài trước khi hàng hoá nhập cảnh;
- + Lựa chọn các nguyên liệu đóng gói cẩn thận.

- Chuyển hàng tới Úc: Khi có kế hoạch nhập khẩu hàng hóa, doanh nghiệp cần đảm bảo rằng sân bay hoặc cảng biển nơi hàng hóa nhập cảnh đầu tiên chấp thuận cho hàng hóa đó vào.

Doanh nghiệp cũng sẽ được yêu cầu cung cấp thông tin về hàng hóa tới bộ Nông nghiệp và Nguồn nước Úc và bộ Di trú và Biên phòng Úc do đó cần chuẩn bị đầy đủ tài liệu.

- Khi hàng hóa tới Úc: Việc kiểm tra các thùng chứa hàng được tiến hành theo phương pháp dựa trên việc đánh giá rủi ro về côn trùng và dịch bệnh mà bộ Nông nghiệp Úc thực hiện.

Hàng hóa đến từ các cảng có nguy cơ rủi ro cao về an toàn sinh học xem tại địa chỉ: <https://www.agriculture.gov.au/import/arrival>

- Thông quan và kiểm tra hàng hóa

Bộ Nông nghiệp Úc sẽ đưa ra thông báo cho nhà nhập khẩu khi hàng hóa đã đáp ứng được việc kiểm soát an toàn sinh học hoặc các yêu cầu khác nếu có.

Thông tin chi tiết về việc kiểm tra và đăng ký kiểm tra hàng hóa xem tại địa chỉ sau:

<https://www.agriculture.gov.au/import/arrival/clearance-inspection>

Thông tin chi tiết về các loại chi phí phải đóng khi nhập khẩu hàng hóa xem tại địa chỉ:

<https://www.agriculture.gov.au/fees/charging-guidelines>



1.6. Quy định về an toàn sản phẩm

- Tiêu chuẩn tự nguyện

Các nhà cung cấp tham khảo các tiêu chuẩn tự nguyện, có thể bao gồm các yếu tố an toàn khi sản xuất sản phẩm hoặc khi mua hàng. Việc tham khảo này giúp đảm bảo rằng hàng hoá mà họ cung cấp an toàn, ngăn ngừa việc phải thực hiện thu hồi sản phẩm. Theo Luật Úc, hàng hoá không bắt buộc phải đáp ứng các tiêu chuẩn tự nguyện nhưng phải tuân thủ các tiêu chuẩn bắt buộc. Tuy nhiên, nhiều tiêu chuẩn bắt buộc dựa trên các tiêu chuẩn tự nguyện.

- Tiêu chuẩn bắt buộc và lệnh cấm

Tiêu chuẩn bắt buộc là những đặc tính hay thuộc tính bắt buộc đối với các sản phẩm, hàng hóa hoặc là thông tin bắt buộc hay mô tả về sản phẩm, hàng hóa được nhập khẩu và tiêu thụ tại thị trường Úc. Nếu hàng hóa nhập khẩu vào Úc không đáp ứng được các tiêu chuẩn này thì bị coi là phạm luật.

Tiêu chuẩn bắt buộc bao gồm những quy định, yêu cầu hay điều kiện tối thiểu đối với mỗi sản phẩm hay hàng hóa trước khi được nhập khẩu vào Úc. Những quy định này được đưa ra nhằm tránh hoặc giảm thiểu rủi ro hàng hóa có thể gây sát thương hoặc gây hại, hoặc bị hỏng trong quá trình sử dụng.

Trong trường hợp có bằng chứng cho thấy rằng một sản phẩm có thể gây nguy hiểm cho người tiêu dùng, lệnh cấm hoặc các tiêu chuẩn bắt buộc sẽ được xây dựng. Nhiều người nghĩ rằng tất cả các sản phẩm được bán ở Úc đều phải đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn. Điều này không đúng. Các lệnh cấm và các tiêu chuẩn bắt buộc chỉ được thực hiện khi có bằng chứng cho thấy sản phẩm đó có nguy cơ gây thương tích nghiêm trọng, gây bệnh hoặc tử vong.

Vì các sản phẩm liên tục thay đổi do thời trang, thiết kế và công nghệ mới nên các nhà quản lý liên tục theo dõi thị trường để phát hiện và quản lý các sản phẩm không an toàn tiêu thụ trên thị trường.

+ Tiêu chuẩn an toàn

Nếu một hàng hóa thuộc đối tượng điều chỉnh của tiêu chuẩn bắt buộc thì hàng hóa đó phải đáp ứng được các tiêu chí an toàn cụ thể trước khi được nhập khẩu để tiêu thụ tại Úc.

+ Tiêu chuẩn bắt buộc về thông tin mô tả sản phẩm/hàng hóa

Các tiêu chuẩn bắt buộc về thông tin mô tả sản phẩm được đưa ra nhằm đảm bảo người tiêu dùng được cung cấp đầy đủ những thông tin quan trọng về một sản phẩm hay hàng hóa để giúp họ quyết định có nên mua hàng hóa đó hay không.

Các tiêu chuẩn về thông tin mô tả sản phẩm không nhất thiết phải



liên quan đến khía cạnh an toàn của một sản phẩm. Ví dụ, các tiêu chuẩn về thông tin mô tả có thể là nhãn hàng ghi rõ thành phần của một loại thực phẩm như thành phần dinh dưỡng hay hàm lượng các chất phụ gia, chất bảo quản được sử dụng để sản xuất ra sản phẩm hoặc thành phần được lý đối với đồ mỹ phẩm, hoặc nhãn quy định đối với các mặt hàng thuốc lá hoặc các sản phẩm may mặc và sản phẩm dệt.

- Thu hồi sản phẩm

Khi các nhà cung cấp nhận thấy các sản phẩm bị lỗi hoặc không an toàn, họ có thể tiến hành thu hồi tự nguyện để loại bỏ sản phẩm khỏi thị trường. Theo Luật Người tiêu dùng Úc, một Bộ trưởng có liên quan cũng có thể ra lệnh bắt buộc thu hồi sản phẩm, nếu cần thiết.

ACCC quản lý một hệ thống thu hồi quốc gia để thu hồi các sản phẩm không an toàn và công bố tất cả các sản phẩm bị thu hồi trên website.

- Thông báo tác động văn bản pháp luật

Khi xem xét tiêu chuẩn bắt buộc của một sản phẩm, Chính quyền Liên bang thường tổ chức nghiên cứu, tham vấn đại diện của các ngành hàng và của người tiêu dùng trước khi đưa ra thông báo về tác động văn bản pháp luật (Regulation Impact Statement - RIS). Bản thông báo này được đưa ra trên cơ sở xem xét các nội dung sau đây:

- Các bên liên quan, ảnh hưởng đến sản phẩm và thị trường
- Nguyên nhân gây nên tác hại tiềm tàng
- Biện pháp giảm thiểu rủi ro cho người tiêu dùng
- Tác động kinh tế xã hội tiềm tàng của văn bản quy phạm pháp luật và văn bản dưới luật.

- Áp dụng tiêu chuẩn bắt buộc

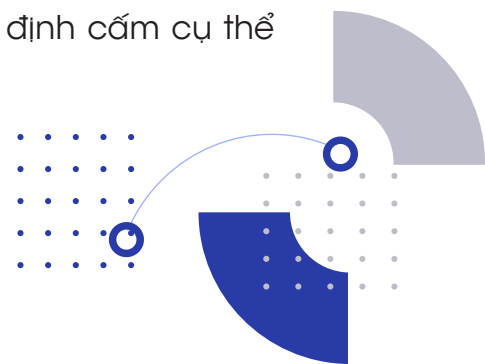
Luật người tiêu dùng Úc điều chỉnh các quan hệ mua bán, trao đổi, thuê và cho thuê đối với hàng hóa hoặc cho, biếu, tặng đối với dịch vụ.

Tiêu chuẩn bắt buộc đối với một sản phẩm được áp dụng đối với bất kỳ ai, đối tượng nào có liên quan đến việc cung ứng, nhập khẩu sản phẩm đó vào thị trường Úc. Tiêu chuẩn bắt buộc bao gồm các thông tin sau đây:

- Nhà sản xuất
- Nhà nhập khẩu
- Nhà phân phối, cung ứng
- Nhà bán lẻ
- Bên thuê mượn.

- Xử phạt vi phạm quy định về an toàn sản phẩm

Theo Luật Người tiêu dùng của Úc, mức phạt đối với việc vi phạm tiêu chuẩn an toàn bắt buộc của sản phẩm hoặc các quy định cấm cụ thể như sau:



- Đối với doanh nghiệp, mức phạt tối đa có thể lên tới 1,1 triệu đô la Úc
- Đối với cá nhân, mức phạt tối đa có thể lên tới 220.000 đô Úc.

Xem quy định chung về an toàn sản phẩm tại website:

<https://www.productsafety.gov.au/product-safety-laws/safety-standards-bans/mandatory-standards>

1.7. Quy định về dán nhãn hàng hóa nhập khẩu

Khi nhập khẩu, bạn có thể cần dán nhãn hàng hoá nhập khẩu theo một cách nhất định. Ngoài các quy định ghi nhãn chung của Đạo luật Cạnh tranh và Người tiêu dùng năm 2010 còn có hai yêu cầu cụ thể đối với hàng nhập khẩu mà doanh nghiệp nên chú ý:

- Mô tả thương mại:

Đạo luật Thương mại (Mô tả Thương mại 1905) quy định rằng một số mặt hàng không thể được nhập khẩu trừ khi chúng được dán nhãn chính xác với mô tả thương mại được yêu cầu (mô tả đúng về hàng hoá bằng tiếng Anh). Để biết liệu hàng hóa bạn đang nhập cần có mô tả thương mại và hướng dẫn xung quanh họ, hãy xem thông tin của Bộ Nhập cư và Bảo vệ Biên giới về nhãn hiệu thương mại đối với hàng nhập khẩu.

Theo quy định của pháp luật Úc, có những mặt hàng nhất định phải gắn nhãn đúng cách, có nội dung mô tả thương mại trung thực thì mới được nhập khẩu vào Úc.

Không phải tất cả các mặt hàng nhập khẩu đều phải gắn nhãn. Những mặt hàng nhập khẩu có gắn nhãn nhưng không đáp ứng yêu cầu quy định về nhãn hàng thì vẫn không được phép nhập khẩu vào Úc.

Đạo luật Thương mại 1905 và Luật Thương mại 2016 quy định (i) loại hàng hoặc nhóm hàng phải có nhãn hàng khi nhập khẩu vào Úc, (ii) nội dung thể hiện trên nhãn hàng, và (iii) vị trí của nhãn hàng.

Nhãn hàng có mô tả trung thực nghĩa là nội dung mô tả, thông báo, chỉ dẫn hay khuyến cáo, trực tiếp hay gián tiếp về việc hàng hóa đã được sản xuất như thế nào, do ai sản xuất, đóng gói hàng hóa đó.

- Nhãn hàng phải viết bằng tiếng Anh rõ chữ, rõ nét
- Nêu rõ tên nước sản xuất
- Đối với một mặt hàng nào đó, nếu nội dung "mô tả trung thực" không được pháp luật quy định thì cũng phải có mô tả chính xác về hàng hóa đó
- Trừ trường hợp hàng hóa đã được đóng gói sẵn, nói chung nhãn hàng phải được gắn chắc vĩnh viễn vào sản phẩm, ở vị trí dễ nhận biết. Nếu không tiện để gắn nhãn thì cũng cần có một nhãn chung cho cả lô hàng.

- Nhãn xuất xứ

Đạo luật Cạnh tranh và Người tiêu dùng năm 2010 cấm việc đưa ra



các tuyên bố sai lệch hoặc gây nhầm lẫn về nơi xuất xứ của hàng hoá. Trang gốc của Ủy ban Cạnh tranh Úc (ACCC) qui định cách sử dụng nhãn hiệu nước xuất xứ và các quy định về biểu tượng "Australian Made".

*** Hàng hóa yêu cầu mô tả thương mại khi nhập khẩu vào Úc gồm:**

+ Nhóm hàng hóa chung, chỉ dựa theo tên gọi

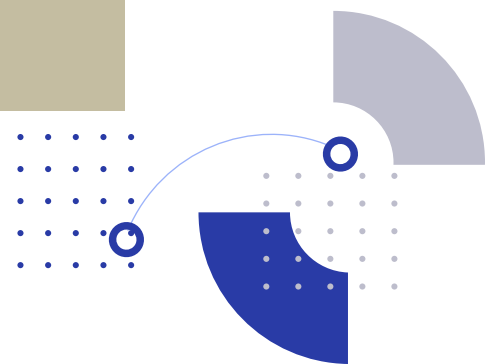
Luật Thương mại quy định những mặt hàng dưới đây bị cấm nhập khẩu vào Úc nếu không có mô tả thương mại:

- Thực phẩm
- Sản phẩm gốm sứ, xoong nồi, bát đĩa, ấm chén bằng đất nung hoặc tráng men được dùng để đựng đồ ăn hoặc vật dụng trong bếp
- Sản phẩm dệt và hàng may mặc kể cả giày dép
- Đồ điện, thiết bị điện và phụ kiện kể cả đèn cây
- Đồ chơi
- Xi gà, thuốc lá cuộn, thuốc lá đầu lọc, thuốc lá chế biến, giấy cuộn thuốc lá, tẩu thuốc lá
- Phân bón, kể cả chất dùng để làm cho đất trở nên màu mỡ trừ phân hữu cơ có nguồn gốc từ động hoặc thực vật hoặc nguyên liệu thô dùng để sản xuất phân bón.
- Xi măng poóc lăng
- Gạch lát sàn và ốp tường
- Đồ vệ sinh bằng gốm sứ, đất nung hoặc vật liệu tương tự

+ Nhóm hàng dựa theo vật liệu cấu thành

Luật Thương mại quy định những mặt hàng dưới đây có ít nhất một nửa tiết diện bên ngoài được làm bằng một trong các loại vật liệu sau đây thì cũng phải có mô tả thương mại: (i) Da hoặc vật liệu tương tự; hoặc (ii) Sợi hoặc một chất liệu tương tự; hoặc (iii) Cao su lưu hoá hoặc tương tự; hoặc (iv) Nhựa. Các sản phẩm này bao gồm:

- Cặp da
- Thắt lưng
- Yên xe đạp
- Dây cương
- Hòm
- Hộp đựng dụng cụ âm nhạc, radio hoặc kèn gra-mô-phôn
- Cặp đựng tài liệu
- Vỏ đựng điện thoại, sổ sách...
- Găng tay
- Túi xách tay
- Dây curoa
- Hộp đựng mũ



- Dây cương
- Túi đựng dụng cụ
- Quần tất
- Đai chằng máy móc
- Túi nhỏ
- Ví nhỏ
- Dao cạo râu
- Yên xe
- Cặp xách học sinh
- Hộp đựng đồ dùng học tập của học sinh
- Túi đi chợ
- Hàng thể thao kể cả găng tay quyền anh, túi đựng bóng đá, túi đựng gậy gôn, túi đấm, và bóng
- Vali
- Rương, hòm
- Ví

+ Những thực phẩm và thực phẩm đóng gói sẵn không cần có mô tả thương mại nếu nhập khẩu trước ngày 1/7/2018

Bắt đầu từ ngày 1/7/2018, qui định này được bãi bỏ, các hàng thực phẩm và thực phẩm đóng gói sẵn dưới đây phải có mô tả thương mại mới được phép nhập khẩu vào Úc:

Hàng thực phẩm:

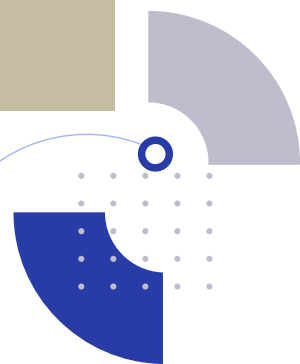
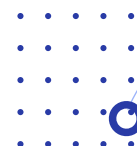
- Bánh kẹo có hình dạng lạ mắt, như trứng phục sinh và hộp đựng quả phục sinh
- Mật ong ở thể nguyên
- Cá ướp muối

Thực phẩm đóng gói:

- Thực phẩm đóng gói trên 75kg hoặc có dung tích trên 150l

Thực phẩm đóng gói:

- Có ít hơn 9 loại được đóng gói để bán theo số lượng
- Toàn bộ hoặc một phần được làm bằng vật liệu có thể nhìn thấy rõ số lượng sản phẩm khi nhìn vào bao gói
- Túi, bao, bì sản phẩm nông nghiệp được đóng gói sẵn theo trọng lượng để bán (ví dụ như lúa mì, ngô, khoai tây) có trọng lượng không quá 25kg
- Kem hoặc đồ đông lạnh đóng gói, loại dưới 300ml
- Bánh đóng gói đơn chiếc dưới 250g
- Bánh put-đinh, bánh đơn chiếc đóng gói sẵn, dưới 125g
- Rau khô đóng gói dưới 15g
- Rượu vang đóng sẵn ghi nhãn hiệu trước 1/11/1969



- Rượu đóng sẵn dưới 75ml hoặc hơn 10l
- Một hoặc nhiều loại thực phẩm đóng sẵn, bán theo số lượng, nếu số lượng được ghi trên: bao bì hoặc nhãn gắn vào bao bì

Đồ đóng gói sẵn:

- Là hàng thực phẩm (như tinh thể muối, bột làm đồ ăn tráng miệng, bột sữa trứng, viên hoặc bột sữa đông), trừ sữa bột hoặc sữa đặc, và có hướng dẫn cụ thể toàn bộ hoặc mỗi phần đơn vị đóng gói nhỏ hơn phải được pha loãng theo trọng lượng hoặc theo khối lượng
- Đồ thực phẩm đóng gói sẵn (trừ hạt tiêu và gia vị khác, thảo mộc, chè hòa tan hoặc rau khô) dưới 25g hoặc 25ml

Đồ đóng gói sẵn như bánh kẹo, hạt, bỏng ngô, khoai tây chiên giòn, hoặc các món ăn vặt:

- Đã đóng thành gói dưới 85g hoặc sô-cô-la dạng khuôn, khối, thanh có hoặc không có hương liệu, có trọng lượng dưới 30g, hoặc
- Đã đóng gói thành một mặt hàng khác nếu giá trị đáng kể của các mặt hàng kết hợp được biểu thị bằng mặt hàng khác đó.

Quả khô đã đóng gói:

- Trọng lượng dưới 85g, hoặc đã đóng gói thành một mặt hàng khác nếu giá trị đáng kể của các mặt hàng kết hợp được biểu thị bằng mặt hàng khác đó.

1.8. Thuế và phí

Các mặt hàng trừ các sản phẩm có chứa cồn và thuốc lá có giá trị không quá 1000 AUD sẽ không phải nộp thuế nhập khẩu. Ngược lại, hàng hóa nhập khẩu có trị giá trên 1000 AUD sẽ phải nộp thuế nhập khẩu và 10% thuế hàng hóa và dịch vụ (GST). Thuế suất tùy thuộc vào bản chất của hàng hóa. Hàng hóa có thể phải chịu thuế bù trừ đánh trên mặt hàng rượu hoặc thuế ô tô xa xỉ và các loại thuế và chi phí khác theo quy định của pháp luật Úc.

Khi làm thủ tục áp thuế nhập khẩu và thuế GST, thuế suất được xác định dựa trên Biểu thuế hàng hóa (Luật thuế Hải quan 1995). Thuế nhập khẩu được tính dựa trên trị giá hải quan của hàng hóa. Cơ quan Hải quan và Biên phòng Úc có thể yêu cầu xuất trình hóa đơn để có căn cứ xác định trị giá hải quan. Vì vậy doanh nghiệp cần lưu giữ tất cả các giấy tờ trong thời gian tối thiểu là 5 năm theo quy định của Luật Hải quan 1901.

Một số loại thuế, phí doanh nghiệp cần chú ý:

+ Phí xử lý hàng hóa: Hải quan sẽ thu phí xử lý hàng hóa thông thường dưới 200 AUD;

+ Thuế hàng hóa và dịch vụ (GST): được tính bằng 10% tổng giá trị của hàng hóa cộng với thuế nhập khẩu, cộng với phí bảo hiểm và vận chuyển đến Úc. Chi tiết xem tại link sau:



<https://www.ato.gov.au/Business/GST/In-detail/Rules-for-specific-transactions/International-transactions/GST-and-imported-goods/>

+ Thuế nhập khẩu được tính dựa trên phần trăm giá hàng hóa. Thuế nhập khẩu vào khoảng 0-10% nhưng chủ yếu là 5%.

+ Thuế tiêu thụ đặc biệt áp dụng cho đồ uống có cồn, thuốc lá và xăng dầu

1.9. Tận dụng các ưu đãi thuế quan

Hệ thống Ưu đãi thuế quan được thiết kế để các ngành công nghiệp cạnh tranh tốt hơn trên thị trường quốc tế. Hệ thống này giúp làm giảm chi phí cho cộng đồng nói chung thông qua chế độ miễn thuế nhập khẩu cho một số mặt hàng mà các cơ sở sản xuất trong nước không sản xuất được.

Để tìm hiểu rõ hơn về ưu đãi thuế quan với từng mặt hàng theo năm, doanh nghiệp truy cập link:

<https://www.abf.gov.au/importing-exporting-and-manufacturing/tariff-concessions-system/tariff-concession-order/gazette>

1.10. Quy tắc xuất xứ

Úc tham gia một số Hiệp định thương mại tự do nhằm xóa bỏ các rào cản thương mại quốc tế và giảm chi phí nhập khẩu. Khi nhập khẩu hàng hóa, các doanh nghiệp cần hiểu rõ các quy tắc xuất xứ để tận dụng các ưu đãi nếu có.

1.11. Quyền sở hữu trí tuệ

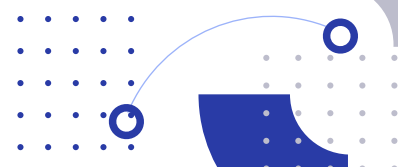
Các điều khoản nhập khẩu trong Luật Thương hiệu năm 1995, Luật Bản quyền năm 1968 và Luật Bảo vệ Biểu tượng Olympic năm 1987 cho phép thu giữ hàng hóa vi phạm thương hiệu, bản quyền và biểu tượng Olympic.

2. Quy định nhập khẩu chi tiết với một số mặt hàng Việt Nam xuất khẩu sang Úc

2.1. Giày dép

Quy định về nhãn hàng khi nhập khẩu giày dép vào Úc cụ thể như sau:

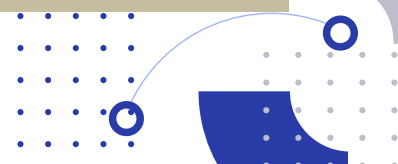
- Nhãn hàng phải ghi rõ nước sản xuất và phải có mô tả thương mại trung thực cho từng mặt hàng. Nhãn hàng phải có mô tả trung thực về vật liệu làm nên đế giày, mặt giày và lớp lót thân giày, ghi rõ bộ phận nào của giày làm bằng vật liệu gì.
- Nếu làm hoàn toàn bằng da thuộc thì ghi "Hoàn toàn bằng da thuộc - all leather";
- Nếu chỉ có một phần bằng da thuộc thì ghi "Bằng vật liệu tổng hợp-synthetic" hoặc "Bằng vật liệu không phải là da thuộc-non leather".





- Đế giày được coi là làm hoàn toàn bằng da thuộc nếu như chỉ có vật liệu khác da nằm trong số vật liệu sau:
- Miếng đệm bằng bần hoặc bằng nỉ chống thấm;
- Miếng vải canvas dùng để gia cố miếng lót giày;
- Khu vực hình cung của đế giày (ứng với vùng gan bàn chân - shank) lót bằng miếng da, miếng vải, hay miếng lót bằng vật liệu là gỗ, kim loại hay nhựa hoặc kết hợp các loại vật liệu này và chỉ dùng để gia cố cho đế giày ở khu vực hình cung của đế giày;
- Vật liệu bằng gỗ, nhựa hoặc kim loại được sử dụng để làm gót giày;

- Phần gia cố làm hoàn toàn bằng miếng da, miếng vải hoặc vật liệu là gỗ, kim loại, nhựa, canvas hoặc chất liệu khác, keo dán hoặc chất liệu tương tự hoặc kết hợp của các vật liệu này, khi việc gia cố chỉ nhằm hỗ trợ mặt giày ở phía mũi giày và gót giày.
 - Mô tả thương mại phải in hoặc khắc lên giày bằng chữ rõ ràng, độ cao của chữ từ 2,5mm trở lên, ở một trong các vị trí sau đây:
 - Ở khu vực hình cung của đế giày;
 - Ở khu vực hình cung, phía trên thân giày;
 - Ở mặt ngoài, phía dưới của gót giày hoặc trên vùng hình cung của miếng lót hoặc nếu không có miếng lót, thì ở mặt trong, phía dưới của gót giày hoặc ở khu vực hình cung của lót giày;
 - Ở phần lưỡi gà của giày.
 - Tuy nhiên, nếu vật liệu của giày không thể cho phép in hoặc dập nổi mô tả thương mại lên bề mặt được thì mô tả thương mại phải:
 - Được in hoặc dập nổi lên nhãn bằng cao su, nhựa, miếng vải bền hay vật liệu bền khác;
 - Gắn vào giày bằng phương pháp lưu hóa, dán dính, hoặc bằng bất kỳ cách an toàn nào khác.
- Quy định này không áp dụng cho giày trượt tuyết, được thiết kế để



lắp vào bàn trượt tuyết, giày trượt tuyết có mặt giày bằng nhựa đúc và đế cố định, để không có phần thay thế được.

2.2. Quy định về dệt may

- Quy định về nhãn hiệu thương mại

Nhãn hiệu thương mại phải ghi rõ nước sản xuất và phải có mô tả thương mại trung thực cho từng mặt hàng.

Nhãn hiệu hàng may mặc phải để ở vị trí chính giữa, phía sau của hàng may mặc.

- Quy định về nhãn hướng dẫn sử dụng

Đối với hàng dệt may, các tiêu chuẩn bắt buộc quy định về thông tin được ghi ở nhãn hướng dẫn sử dụng.

Nhãn hướng dẫn sử dụng hàng dệt may phải cung cấp đầy đủ những thông tin cần thiết để giúp người tiêu dùng biết cách sử dụng sản phẩm sao cho đảm bảo an toàn, tránh làm hư hỏng.

Doanh nghiệp tham khảo hướng dẫn về nhãn hướng dẫn sử dụng hàng dệt may do Ủy ban Cạnh tranh và Người tiêu dùng Úc ban hành tại địa chỉ: <https://www.productsafety.gov.au/system/files/Supplier%20Guide%20—%20Care%20labelling%20for%20clothing%20and%20textile%20products.pdf>

2.3. Quy định về sản phẩm gỗ

- Quy định chung

Chính phủ Úc cam kết hỗ trợ thương mại đối với các mặt hàng từ gỗ được khai thác hợp pháp bằng việc ban hành Luật Cấm khai thác gỗ bất hợp pháp năm 2012 (Illegal Logging Prohibition Regulation 2012). Luật này được ban hành nhằm giảm thiểu việc đưa các sản phẩm được khai thác từ gỗ trái phép vào thị trường Úc. Luật này được áp dụng đối với toàn bộ các nhà nhập khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ; và tất cả gỗ được khai thác, chế biến tại Úc.

Luật này quy định, các doanh nghiệp nhập khẩu gỗ, bột giấy hoặc sản phẩm giấy vào Úc phải thực hiện việc khảo sát tính hợp pháp. Điều này bao gồm việc thu thập thông tin và đánh giá nguy cơ có phải gỗ trong các sản phẩm này là loại khai thác trái phép hay không. Trừ trường hợp nguy cơ thấp, các doanh nghiệp cũng cần phải thực hiện các biện pháp thích hợp để giảm thiểu nguy cơ này. Luật này áp dụng đồng đều đối với nhà chế biến gỗ thô thu hoạch tại Úc.

Luật này không có hiệu lực đối với các đối tác thương mại của Úc mà chỉ áp đặt các yêu cầu đối với doanh nghiệp nhập khẩu vào Úc và tìm cách giảm thiểu nguy cơ gỗ đã khai thác bất hợp pháp được đưa vào thị trường Úc.

Tuy nhiên, nếu cung cấp gỗ, bột giấy hoặc sản phẩm giấy cho khách



hàng tại Úc, doanh nghiệp xuất khẩu có thể phải cung cấp thêm thông tin về sản phẩm của mình, có thể là thông tin về gỗ trong sản phẩm, nơi thu hoạch và bất kỳ văn bản hay giấy tờ nào khác có thể chứng minh tính hợp pháp của mặt hàng.

Thông tin này sẽ giúp doanh nghiệp tại Úc đánh giá nguy cơ có phải các sản phẩm này là loại đã khai thác trái phép hay không và giúp họ có thể quyết định khi mua hàng.

Chính phủ Úc cùng với các chính phủ liên quan soạn thảo các Quy định riêng cho từng quốc gia (Country Specific Guidelines). Nhờ những quy định này các nhà nhập khẩu sẽ có thêm thông tin đối với các luật về gỗ hiện nay của các đối tác thương mại quan trọng và có thể dễ dàng thực hiện việc khảo sát tính hợp pháp.

Doanh nghiệp tham khảo thông tin chi tiết về Luật Cấm khai thác gỗ bất hợp pháp năm 2012 (Illegal Logging Prohibition Regulation 2012) trong link sau:

<https://www.agriculture.gov.au/forestry/policies/illegal-logging>

- Sản phẩm gỗ dạng thô

Sản phẩm gỗ ở dạng thô như gỗ ván sàn, cốt pha, dầm gỗ và nhiều sản phẩm khác thuộc đối tượng kiểm soát sinh học theo quy định kiểm soát an toàn sinh học do Bộ Nông nghiệp và Nguồn nước chịu trách nhiệm quản lý và giám sát.

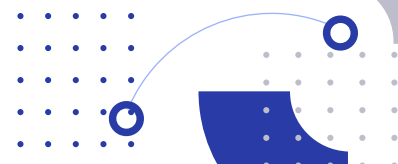
- Đồ nội ngoại thất

Đối với đồ nội ngoại thất như giường tủ bàn ghế điều kiện nhập khẩu là phải có nhãn hàng. Nhãn hàng phải đưa ra thông tin đầy đủ về nước xuất xứ, mô tả trung thực về hàng hóa. Nhãn phải ghi bằng tiếng Anh, gắn, dập ở vị trí dễ nhìn, dễ đọc.

2.4. Quy định về một số mặt hàng nông sản

2.4.1. Gạo

Dưới đây là phần tóm tắt quy định chính về kiểm dịch đối với mặt hàng gạo. Tuy nhiên các doanh nghiệp Việt Nam nên cập nhật những



quy định mới nhất trước khi xuất khẩu gạo sang thị trường Úc. Những thay đổi đối với các quy định kiểm dịch do Bộ Nông nghiệp và Nguồn nước của Úc thông báo tại chuyên mục Cảnh báo các điều kiện nhập khẩu liên quan đến an toàn sinh học trên trang web: <https://bicon.agriculture.gov.au/BiconWeb4.0/>

Điều kiện nhập khẩu đối với mặt hàng gạo:

** Không yêu cầu giấy phép nhập khẩu của Bộ Nông Nghiệp và Nguồn nước.*

** Các quy định này áp dụng đối với các lô hàng sản phẩm gạo trắng hoặc gạo lứt đã được xử lý và đóng gói thương mại cho con người sử dụng. Các sản phẩm gạo này phải được xử lý và đóng gói để đảm bảo sự bảo quản ổn định ở nhiệt độ phòng ít nhất là 6 tháng. Nếu các sản phẩm không đáp ứng được các yêu cầu này thì có thể sẽ phải nộp giấy phép nhập khẩu. Các nhà nhập khẩu có thể liên hệ với nhóm dịch vụ để hỏi thêm thông tin cần thiết:*

+ Import Services Team

+ Phone: 1800 900 090

+ Email: imports@agriculture.gov.au

** Mặt hàng này phải được xử lý và đóng gói thương mại.*

** Các sản phẩm gạo phải được làm chín thương mại, bảo quản ổn định và đặt vào trong các thùng hàng kín*

** Những sản phẩm này chỉ được sử dụng cho con người và không được bán hay sử dụng để làm thức ăn cho gia súc hay các mục đích nông nghiệp.*

** Một khi các yêu cầu an toàn sinh học đã được đáp ứng, các nhà nhập khẩu có trách nhiệm đảm bảo rằng tất cả các thực phẩm nhập khẩu tuân thủ Đạo luật Kiểm soát nhập khẩu thực phẩm năm 1992.*

** Các yêu cầu về thông tin phi hàng hóa đối với hàng hóa nhập khẩu cũng được áp dụng, xin vui lòng tham khảo các trường hợp này tại link sau:*

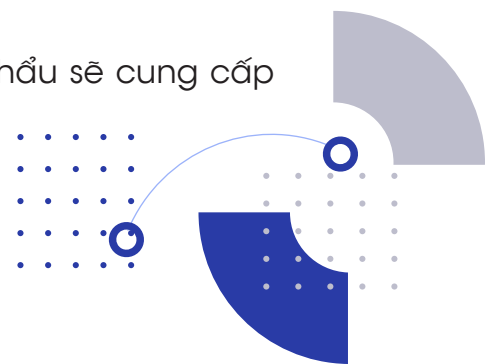
<https://bicon.agriculture.gov.au/BiconWeb4.0/ImportConditions/Questions/EvaluateCase?elementID=0000088555&elementVersionID=59>

Bao bì, kệ hàng hoặc các vật chèn lót bằng gỗ gắn với lô hàng có thể bị kiểm tra và xử lý tại cửa đến, trừ khi có bằng chứng đầy đủ về việc xử lý được Bộ Nông nghiệp chấp nhận.

Tất cả các tài liệu trình cho Bộ Nông nghiệp để hỗ trợ việc xác định mức độ rủi ro sinh học trong quá trình vận chuyển và đóng gói phải đáp ứng yêu cầu của các trường hợp phi hàng hoá).

2.4.2. Rau quả

Thông thường trước khi ký hợp đồng, nhà nhập khẩu sẽ cung cấp



cho doanh nghiệp các quy định nhập khẩu hàng hóa. Tuy nhiên, trước khi tiếp cận nhà nhập khẩu tiềm năng, các doanh nghiệp cũng nên tìm hiểu trước các điều kiện nhập khẩu. Ví dụ như để tìm hiểu điều kiện nhập khẩu rau quả đông lạnh hãy truy cập địa chỉ trên rồi chọn từ “Frozen” và “Fruit” cho quả và “Vegetables” cho rau hoặc “Herbs” cho rau thơm, thảo mộc thì có thể tìm ra các thông tin theo các đường link dưới đây.

Điều kiện nhập khẩu rau, củ quả và rau thơm đông lạnh

<https://bicon.agriculture.gov.au/BiconWeb4.0/ImportConditions/Search/>

Quả đông lạnh

Các loại quả hạt đông lạnh được phép nhập khẩu không cần phải qua xử lý:

<https://bicon.agriculture.gov.au/BiconWeb4.0/ViewElement/Element/Index?elementPk=123216&caseElementPk=314587>

Các loại quả đông lạnh được phép nhập khẩu nhưng cần phải qua xử lý:

<https://bicon.agriculture.gov.au/BiconWeb4.0/ViewElement/Element/Index?elementPk=123226&caseElementPk=314587>

Rau đông lạnh

Các loại rau đông lạnh được phép nhập khẩu

<https://bicon.agriculture.gov.au/BiconWeb4.0/ViewElement/Element/Index?elementPk=309500&caseElementPk=314587>

Rau thơm, thảo mộc

Các loại rau thơm được phép nhập khẩu ví dụ như rau mùi (coriander), thì là (dill), húng tây (basil), cải xoong (cress) xem chi tiết tên thường dùng và tên khoa học tại đây:

<https://bicon.agriculture.gov.au/BiconWeb4.0/ViewElement/Element/Index?elementPk=309501&caseElementPk=314587>

** Các quy định về nhập khẩu rau, củ, quả, rau thơm, thảo mộc dùng để ăn*

+ Bộ Nông nghiệp không yêu cầu phải có giấy phép nhập khẩu rau, củ quả và rau thơm, thảo mộc đông lạnh;

+ Hàng nhập khẩu phải được làm đông lạnh theo một quy trình phù hợp. Quy trình đông lạnh gồm các khâu chuẩn bị, đóng gói và bảo quản ở kho hàng. Nhà nhập khẩu phải nộp các tài liệu sau đây: Freezing declaration, Packing list, Supplier declaration, Exporter declaration, Export certificate, Commercial invoice hoặc Beneficiary certificate và thông tin về:

Nước xuất xứ
Tên thực vật
Thông tin về đóng gói
Thông tin về xử lý



Giấy cam kết về làm đông lạnh
Giấy cam kết rằng hàng hóa được liên tục được bảo quản ở nhiệt độ từ -18°C trở xuống hoặc được bảo quản dưới nhiệt độ này trong khoảng thời gian liên tục kéo dài ít nhất là 7 ngày. Thời điểm bắt đầu được tính kể từ khi nhiệt độ chỉ -18°C.

+ Hàng hóa phải được chuẩn bị ở quy mô thương mại và đóng gói sao cho sạch sẽ, sử dụng bao bì đóng gói mới.

+ Hàng hóa phải đảm bảo sạch sẽ và không lẫn các hạt, dầu, xác động vật, mảnh thực vật và các vật liệu được xếp loại là có rủi ro an toàn sinh học trước khi tới Úc.

+ Hàng hóa khi tới Úc phải ở dạng đông lạnh.

+ Hàng hóa đáp ứng được các điều kiện trên có thể được giải phóng mà không cần phải qua kiểm tra. Hàng hóa có thể bị kiểm tra ngẫu nhiên để kiểm tra tình trạng đông lạnh của hàng hóa hoặc kiểm tra các điểm chưa được thể hiện trên hóa đơn.

+ Khi các yêu cầu an toàn sinh học đã được đáp ứng, nhà nhập khẩu chịu trách nhiệm đảm bảo hàng nhập khẩu tuân thủ quy định theo Luật Kiểm soát thực phẩm nhập khẩu. Các quy định về nhãn hàng hóa và thành phần của thực phẩm bán tại Úc được quy định theo quy định tại

<https://www.foodstandards.gov.au/code/Pages/default.aspx>

Hàng nhập khẩu có thể sẽ được kiểm tra ngẫu nhiên được nêu chi tiết tại

<https://www.agriculture.gov.au/import/goods/food/inspection-compliance/tests-applied-to-surveillance-category-foods#label-assessment-tests>

+ Theo quy định nhà nhập khẩu trả phí kiểm dịch cho Bộ Nông nghiệp. Danh sách các khoản phí được nêu tại link sau:

<https://www.agriculture.gov.au/fees/charging-guidelines>

+ Đồ đóng gói, kệ hoặc đồ lót hàng hóa có thể bị kiểm tra và xử lý khi hàng tới nơi trừ khi có giấy tờ đã được Bộ Nông nghiệp cấp. Vì vậy, cần phải chuẩn bị tài liệu liên quan việc xử lý đồ đóng gói, kệ, đồ lót hàng hóa. Các biện pháp xử lý bao gồm: (i) Khử trùng bằng Ethylene Oxide, ii) Khử trùng bằng chiếu xạ tia Gamma, iii) Khử trùng bằng Methyl bromide.



IV. CƠ HỘI GIAO THƯƠNG

1. Một số hội chợ tại Úc

STT	Tên hội chợ	Lĩnh vực	Địa điểm	Website
1	Hội chợ quốc tế nguồn hàng Úc (International Sourcing Expo)	Đa lĩnh vực nhưng tập chung chủ yếu vào dệt may, giày dép, túi xách, sản phẩm dệt may gia dụng, hàng thủ công mỹ nghệ, quà tặng	Melbourne	https://www.international sourcing-expo.com/
2	Hội chợ về quà tặng (AGHA Gift Fairs)	Quà tặng, đồ nội thất gia đình, đồ chơi trẻ em, thời trang, văn phòng phẩm	Melbourne	https://agha.com.au/
3	Hội chợ hàng thực phẩm Úc (Fine Food Australia)	Thực phẩm	Sydney	https://finefoodaustralia.com.au/
4	Hội chợ đồ nội thất quốc tế của Úc	Nội thất	Melbourn	http://www.aiff.net.au/

1. Một số hội chợ tại Úc

Dưới đây là cơ sở dữ liệu về 3.000 doanh nghiệp Úc, trong đó tập hợp và phân loại có hệ thống các doanh nghiệp nhập khẩu, sản xuất, bán buôn, bán lẻ, giúp các doanh nghiệp Việt Nam dễ dàng tiếp cận, kết nối giao thương, đẩy mạnh xuất khẩu. Chi tiết xem tại link dưới đây:

<http://vietnamtradeoffice.net/wp-content/uploads/Database%20of%20Australian%20Companies/index.html>



